

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

Bản thảo Sổ tay

Tiếp cận các
nguồn tài chính
cho doanh
nghiệp nhỏ và
vừa Việt nam

Mục lục

<i>Thông điệp của Lãnh đạo Cục Phát triển Doanh nghiệp – Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....</i>	3
PHẦN 1 – GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY	4
1. Mục đích xây dựng sổ tay.....	4
2. Phương pháp xây dựng Sổ tay.....	5
3. Đối tượng sử dụng sổ tay.....	5
4. Cách thức sử dụng Sổ tay	6
PHẦN 2 – NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY.....	8
1. Tổng quan về các tổ chức tài chính	8
2. Xác định nguồn tài chính, sản phẩm tài chính phù hợp cho doanh nghiệp	13
<i>Bước 1 - Xác định giai đoạn phát triển của Doanh nghiệp và nhu cầu về tài trợ vốn....</i>	<i>13</i>
<i>Bước 2 - Xác định nguồn và sản phẩm tài chính phù hợp.....</i>	<i>15</i>
<i>Bước 3 - Xác định điều kiện cho các loại sản phẩm và dịch vụ tài chính.....</i>	<i>24</i>
<i>Bước 4 - Xác định ngành, lĩnh vực, tiêu chí ưu tiên của Tổ chức tài chính</i>	<i>34</i>
3. Các dịch vụ phi tài chính dành cho DNNVV	41
4. Bài học kinh nghiệm cho DNNVV trong quá trình tiếp cận tài chính	45
PHẦN 3 – PHỤ LỤC	53
Phụ lục 1 – Phân loại DNVV và tiêu chí xác định theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.....	53
Phụ lục 2 – Danh sách tổ chức tài chính	54
1. <i>Danh sách ngân hàng thương mại.....</i>	<i>54</i>
2. <i>Danh sách công ty tài chính</i>	<i>57</i>
3. <i>Danh sách công ty cho thuê tài chính.....</i>	<i>57</i>
4. <i>Danh sách ngân hàng chính sách.....</i>	<i>59</i>
5. <i>Danh sách các công ty công nghệ tài chính</i>	<i>59</i>
6. <i>Danh sách các quỹ hỗ trợ của chính phủ</i>	<i>60</i>
7. <i>Danh sách các tổ chức tài chính vi mô.....</i>	<i>60</i>
8. <i>Danh sách các quỹ đầu tư mạo hiểm.....</i>	<i>61</i>
9. <i>Danh sách quỹ bảo lãnh tín dụng và đầu tư phát triển địa phương.....</i>	<i>62</i>
Phụ lục 3 – Mô tả điều kiện cơ bản chung của các Tổ chức tài chính	66
Phụ lục 4 - Mô tả chi tiết các sản phẩm tài chính tiêu biểu.....	69

Danh mục viết tắt

BCTC	: Báo cáo tài chính
CCCD	: Căn cước công dân
DNNVV	: Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐHCD	: Đại hội cổ đông
Fintech	: Công ty công nghệ tài chính
HDQT	: Hội đồng quản trị
KTT	: Kế toán trưởng
NH	: Ngân hàng
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
NHTM	: Ngân hàng thương mại
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSDB	: Tài sản đảm bảo
VNĐ	: Việt Nam đồng

Thông điệp của Lãnh đạo Cục Phát triển Doanh nghiệp – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Phần này sẽ trích dẫn thông điệp của Cục PTDN, Bộ KHĐT gửi đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa thể hiện mong muốn và nỗ lực của Cục, cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước trong hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tài chính)

PHẦN 1 – GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY

1. Mục đích xây dựng sổ tay

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm hơn 95% số lượng các doanh nghiệp ở Việt Nam và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. Để tăng trưởng, đổi mới công nghệ, chiếm lĩnh thị trường, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo công ăn việc làm và thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong phát triển bền vững, các DNNVV có nhu cầu lớn về vốn đầu tư. Khảo sát doanh nghiệp gần đây đều chỉ ra rằng các DNNVV đang gặp nhiều khó khăn thách thức trong tiếp cận nguồn tài chính. Mặt khác, nghiên cứu từ góc độ “cung” của các tổ chức tài chính và các nguồn hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp cho thấy nguồn cung tài chính là tương đối dồi dào hoàn toàn có thể đáp ứng với nhu cầu của doanh nghiệp.

Câu hỏi đặt ra là: *Tại sao nhu cầu vốn của các DNNVV rất lớn, nguồn cung về vốn cũng sẵn có, mà các doanh nghiệp lại khó tiếp cận được nguồn vốn và các tổ chức tài chính khó khăn trong giải ngân?* Có thể có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến hiện tượng này, dưới đây là các nguyên nhân phổ biến nhất:

- Các DNNVV thiếu thông tin về các nguồn vốn và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp (khi có nhu cầu vốn, các DNNVV thường chỉ tiếp cận đến các ngân hàng, và ít biết về các nguồn tài chính khác);
- Ngay cả khi biết thông tin về các nguồn tài chính, các DNNVV thường không đáp ứng được ngay các yêu cầu, điều kiện đặt ra hoặc chưa biết cách chuẩn bị các bộ hồ sơ phù hợp với yêu cầu của bên cung cấp tài chính;
- Năng lực quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư của các DNNVV còn hạn chế, dẫn đến những rủi ro cao trong thu hồi vốn đầu tư, tạo ra những lo ngại trong các quyết định cung cấp tín dụng của các tổ chức tài chính.

Sổ tay này được xây dựng nhằm hỗ trợ các DNNVV khắc phục một phần những khó khăn vướng mắc trong tiếp cận tài chính. Với cách tiếp cận đơn giản, logic và thực tiễn, *Sổ tay nhằm hướng đến các mục tiêu:*

- Cung cấp một cách hệ thống và tương đối đầy đủ thông tin về các nguồn tài chính khác nhau (bao gồm cả các nguồn hỗ trợ tài chính phát triển kinh doanh “xanh”, kinh doanh có trách nhiệm) mà các DNNVV có thể tiếp cận;
- Hướng dẫn doanh nghiệp xác định và lựa chọn tối ưu các nguồn tài chính phù hợp với nhu cầu và mục đích đầu tư;

- Cung cấp thông tin về các yêu cầu, điều kiện của các nguồn tài chính, qua đó giúp doanh nghiệp có kế hoạch và chuẩn bị tốt nhất bộ hồ sơ yêu cầu cấp tín dụng tốt nhất phù hợp với yêu cầu của các tổ chức tài chính.

2. Phương pháp xây dựng Sổ tay

Nhằm bảo đảm tính thực tiễn và phù hợp nhất với nhu cầu của các DNNVV, Sổ tay được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu khảo sát khách quan và cập nhật về thực trạng và nhu cầu tiếp cận tài chính của các DNNVV với các chính sách, sản phẩm, dịch vụ tài chính và các nguồn hỗ trợ tài chính khác nhau cho DNNVV từ các tổ chức tài chính tại Việt Nam. Hai nghiên cứu này đã phản ánh khá rõ thực trạng hiểu biết, thông tin của DNNVV về các nguồn tài chính (ngoài ngân hàng), khả năng tiếp cận cũng như các khó khăn, vướng mắc của DNNVV trong quá trình tiếp cận vốn. DNNVV còn gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như năng lực quản lý tài chính nội bộ của doanh nghiệp.

Về phía các tổ chức tín dụng, phần lớn ngân hàng ngoài sản phẩm đa dạng cho các doanh nghiệp nói chung, đều có các gói sản phẩm dành riêng cho phân khúc DNNVV, và thủ tục cũng đang từng bước tối giản dần. Ngoài ra, thị trường vốn cũng ngày càng hoàn thiện hơn với sự quan tâm của các quỹ đầu tư, các nhà tài trợ quốc tế dành cho DNNVV, đặc biệt các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo hay tham gia vào các liên kết chuỗi. Điều này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh Việt Nam đang từng bước hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế sau khi Việt Nam phê chuẩn hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Ngoài ngân hàng, các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính cũng đã và đang hướng mạnh tới khách hàng là DNNVV. Các công ty tài chính công nghệ (fintech) cũng đã và đang bắt đầu tham gia thị trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số rào cản khiến cho DNNVV vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính. Ở một khía cạnh khác, nghiên cứu khảo sát về kinh nghiệm quốc tế trong hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn Covid-19 đã gợi mở một số biện pháp giúp nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho DNNVV tại Việt Nam.

Sổ tay này ra đời chính là sự kết nối giữa “nhu cầu” tài chính của DNNVV và “khả năng cung cấp” của các tổ chức tài chính trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn và kết hợp với bài học kinh nghiệm quốc tế cũng như các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong hỗ trợ phát triển DNNVV trong thời gian tới.

3. Đối tượng sử dụng sổ tay

Đối tượng sử dụng sổ tay là DNNVV được xác định theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ

và vừa. Theo đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được phân loại theo từng lĩnh vực như sau:

Phân loại DNNVV theo quy mô và doanh thu đối với từng lĩnh vực	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng		Thương mại, dịch vụ	
	Số lao động tham gia BHXH bình quân năm	Tổng doanh thu hoặc tổng nguồn vốn	Số lao động tham gia BHXH bình quân năm	Tổng doanh thu hoặc tổng nguồn vốn
Doanh nghiệp siêu nhỏ	Không quá 10 người	Tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.	Không quá 10 người	Tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.
Doanh nghiệp nhỏ	Không quá 100 người	Tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng	Không quá 50 người	Tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng
Doanh nghiệp vừa	Không quá 200 người	Tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng	Không quá 100 người	Tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng HOẶC tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng

Chi tiết phân loại doanh nghiệp theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP được trình bày tại [Phụ lục 1](#).

4. Cách thức sử dụng Sổ tay

Để có thể tận dụng tối đa cuốn sổ tay này, DNNVV có thể tìm hiểu và tra cứu theo các trình tự và nội dung sau:

- 1) Tìm hiểu tổng quan về các tổ chức tài chính cho DNNVV được nêu ở [mục 1 – Phần 2](#) của sổ tay. Phần này sẽ giúp doanh nghiệp có bức tranh tổng thể về các tổ chức tài chính hiện nay có các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho DNNVV. Trên cơ sở hiểu về bức tranh tổng quan này, DNNVV sẽ mở ra cho mình nhiều lựa chọn hơn trong tiếp cận tài chính phù hợp với nhu cầu vốn của doanh nghiệp;
- 2) Sau đó, Doanh nghiệp sẽ đi theo trình tự các bước được trình bày tại [mục 2 – Phần 2](#) để xác định nguồn tài chính, sản phẩm tài chính cụ thể phù hợp với giai đoạn phát triển và nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Đây là nội dung chính của cuốn sổ tay này. Sau khi lựa chọn được nguồn tài chính, sản phẩm tài chính phù hợp, doanh nghiệp sẽ tìm hiểu về đặc điểm cụ thể của sản phẩm cũng như các điều kiện để tiếp cận được với sản phẩm cụ thể. Tên các tổ chức đang cung cấp các sản phẩm doanh nghiệp đã lựa chọn sẽ được tra cứu tại phần này. Ngoài các sản phẩm tài chính chung

cho DNNVV, các sản phẩm tài chính ưu tiên cho một số lĩnh vực và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp cũng sẽ được trình bày để doanh nghiệp có thể tiếp cận thông tin đến các nguồn ưu tiên cho doanh nghiệp của mình (nếu có);

- 3) Một số dịch vụ “phi tài chính” cho DNNVV để doanh nghiệp tham khảo được trình bày tại [mục 3 – phần 2](#);
- 4) Trong [mục 4 – phần 2](#), Sổ tay sẽ đưa ra một số điểm cần lưu ý hay bài học kinh nghiệm cho các DNNVV trong quá trình tiếp cận tài chính từ các nguồn bên ngoài. Các lưu ý hay bài học được trình bày theo cách so sánh đối chiếu giữa “những lầm hiểu của doanh nghiệp” và “thực tế” trong tiếp cận tài chính để giúp doanh nghiệp có cái nhìn rõ hơn;
- 5) Phần [Phụ lục](#) của Sổ tay cung cấp thông tin chi tiết về các tổ chức tài chính để doanh nghiệp có thể tìm hiểu, liên lạc và trao đổi nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính. Ngoài ra, mô tả về điều kiện cơ bản chung sẽ giúp doanh nghiệp hiểu và chuẩn bị hồ sơ tiếp cận tài chính cụ thể hơn cũng như mô tả chi tiết một số sản phẩm/dịch vụ tài chính cơ bản của tổ chức tài chính dành cho DNNVV.

PHẦN 2 – NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY

1. Tổng quan về các tổ chức tài chính

Tính đến cuối năm 2020, hệ thống tổ chức tín dụng tại Việt Nam gồm 04 ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 ngân hàng mua bắt buộc; 01 ngân hàng Chính sách xã hội; 01 ngân hàng Đầu tư Phát triển; 28 ngân hàng thương mại cổ phần; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 49 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 ngân hàng Hợp tác xã; 1.182 quỹ tín dụng nhân dân và 04 tổ chức tài chính vi mô.¹ Hệ thống các tổ chức tín dụng hiện cung cấp các sản phẩm đa dạng hỗ trợ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Cuối năm 2020, hệ thống các tổ chức tài chính đã cung ứng khoảng 9,3 triệu tỷ đồng cho nền kinh tế, tương đương 117,9 % tổng sản phẩm quốc dân. Trong dư nợ 9,3 triệu tỷ tín dụng, tín dụng cấp cho các DNNVV chiếm khoảng 19,3%.² Ngoài các tổ chức tín dụng trên, các quỹ đầu tư (mạo hiểm và thiên thần) cùng với các chương trình của Chính phủ, nhà tài trợ phát triển và các tổ chức tài chính quốc tế cũng góp phần vào kênh huy động vốn cho DNNVV.

Trong hệ thống các tổ chức tài chính thì hoạt động nổi bật nhất là ngân hàng thương mại. Hiện nay, đây đang kênh chính cung cấp nguồn vốn cho doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Ngân hàng thương mại là nguồn tài chính được phần lớn các doanh nghiệp biết đến cũng như tìm đến khi có nhu cầu bổ sung vốn.³ Hệ thống ngân hàng thương mại với sự đa dạng về dịch vụ, sản phẩm với mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước tới từng khu vực địa lý nhỏ là một trong những yếu tố thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp. Các sản phẩm chính hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp bao gồm: cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho vay đầu tư, cho vay dự án, cho vay mua tài sản cố định, cho vay cầm cố, cho vay theo nghị định của Chính phủ, bảo lãnh, tài trợ thương mại, bao thanh toán, v.v. Ngân hàng cũng là đơn vị được ủy thác cho vay trong các dự án ODA của các tổ chức quốc tế.

Song song với ngân hàng, cũng có một số tổ chức hướng tới các đối tượng chính sách, đối tượng DNNVV khó tiếp cận được các ngân hàng thương mại một cách chính thức như ngân hàng chính sách, tổ chức tài chính vi mô, quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân. Do đối tượng phục vụ của các đơn vị này không phổ biến như ngân hàng thương mại nên số lượng DNNVV tiếp cận được vốn qua kênh này còn chưa phổ biến.⁴

¹ Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước năm 2019

² Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước

³ Khảo sát doanh nghiệp về tiếp cận tài chính của DNNVV (LinkSME, thang7/2021) cho thấy: 89% doanh nghiệp lựa chọn vay vốn qua kênh ngân hàng thương mại.

⁴ Khảo sát doanh nghiệp về tiếp cận tài chính của DNNVV (LinkSME, thang7/2021) cho thấy chỉ có 7,9% doanh nghiệp vay được vốn từ ngân hàng chính sách trong vòng ba năm qua.

Hai kênh tiếp cận vốn cũng tương đối mới mẻ với DNNVV nhưng có tiềm năng lớn là công ty cho thuê tài chính và công ty công nghệ tài chính (fintech). Công ty cho thuê tài chính chuyên cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản cố định sử dụng chủ yếu trong xây dựng và sản xuất (máy móc, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng, v.v.) cho doanh nghiệp. Đối tượng khách hàng phù hợp là các doanh nghiệp có nhu cầu thuê tài sản cố định phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh (sản xuất, xây dựng, văn phòng). Sản phẩm dịch vụ chính của các công ty cho thuê tài chính bao gồm: (i) cho thuê tài chính (cho thuê tài sản sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó công ty cho thuê tài chính cam kết chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản cho bên thuê là doanh nghiệp); (ii) cho thuê vận hành (công ty cho thuê tài chính giữ quyền sở hữu tài sản cho thuê và nhận tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê); (iii) mua và thuê lại (doanh nghiệp bán tài sản đang sử dụng cho công ty cho thuê tài chính và sau đó có thể thuê lại đúng tài sản đó dưới hình thức cho thuê tài chính hoặc cho thuê vận hành theo nhu cầu). Hình thức huy động vốn của doanh nghiệp qua kênh này hiện còn chưa phổ biến.⁵ Công ty công nghệ tài chính sử dụng internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của hoạt động ngân hàng và đầu tư.

Ngoài ra, doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và DNNVV nói riêng cũng có thể tiếp cận tài chính thông qua một số chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế như Dự án Phát triển năng lượng tái tạo của Ngân hàng Thế giới, Dự án Tài chính nông thôn (Ngân hàng Thế giới), Dự án Phát triển DNNVV (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản – JICA), Dự án lưới điện có nguồn tài trợ từ Ngân hàng Tái thiết Đức KfW, Dự án doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ (Ngân hàng Phát triển Châu Á). Hoạt động hỗ trợ này được thực hiện qua một số ngân hàng được ủy thác. Mặt khác, Chính phủ cũng có Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF), tổ chức tài chính nhà nước thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quỹ cho DNNVV vay thông qua phương thức ủy thác cho các ngân hàng thương mại. Mục đích cho vay vốn của quỹ là vay đầu tư cơ bản (không cho vay vốn lưu động) với thời hạn lên tới 7 năm và lãi suất ưu đãi, áp dụng đối với một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định. Hay Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia NATIF cũng hỗ trợ cho vay vốn với các doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Tóm tắt một số tổ chức tín dụng có thể hỗ trợ tài chính cho DNNVV như sau:

⁵ Khảo sát doanh nghiệp về tiếp cận tài chính của DNNVV (LinkSME, tháng 7/2021) cho thấy chỉ có 3,4% doanh nghiệp huy động vốn qua công ty cho thuê tài chính trong vòng ba năm qua.

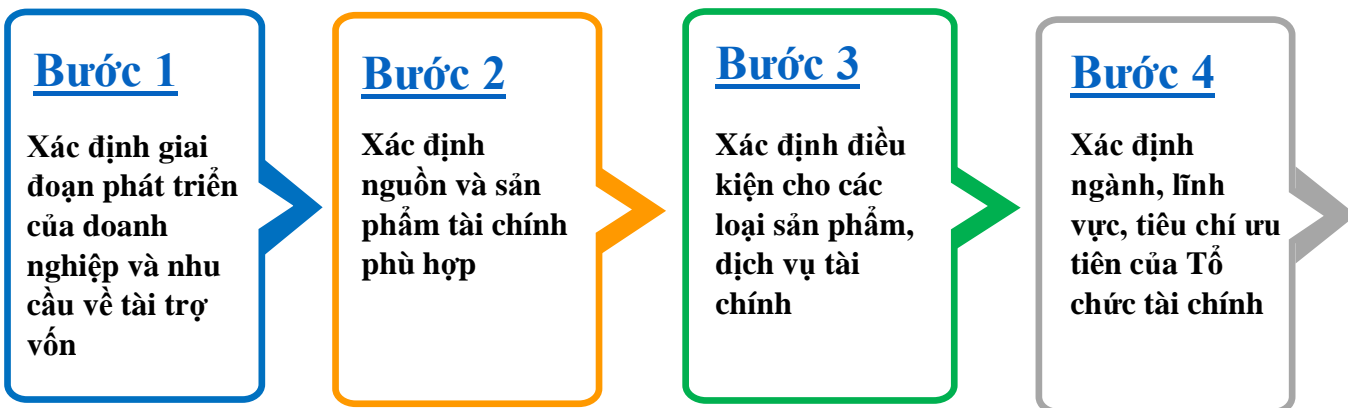
Loại tổ chức tín dụng	Số lượng	Đối tượng khách hàng chính	Sản phẩm chính của tổ chức tín dụng	Hỗ trợ vốn cho DNNVV	Sản phẩm dành cho DNVV	Ưu điểm
Ngân hàng thương mại	35	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cá nhân ○ Doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay ○ Dịch vụ tài chính 	Có	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay có kỳ hạn ○ Bảo lãnh tín dụng ○ Tài trợ thương mại ○ 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Đa dạng sản phẩm, dịch vụ ○ Hình thức vay phổ biến nhất trên thị trường
Ngân hàng chính sách	2	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cá nhân (người nghèo) ○ Hộ nghèo ○ Doanh nghiệp ○ Đối tượng chính sách 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay tài chính, nhà ở xã hội, sản xuất kinh doanh ○ Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì mở rộng việc làm ○ Tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư tín dụng xuất khẩu 	Có	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay có kỳ hạn ○ Bảo lãnh tín dụng ○ Tài trợ thương mại ○ 	Lãi suất thường thấp hơn ngân hàng thương mại
Quỹ tín dụng nhân dân	1182	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thành viên của quỹ ○ Hộ nghèo ○ Doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay sản xuất kinh doanh ○ Cho vay tiêu dùng ○ Cho vay đi làm việc ở nước ngoài 	Có	Cho vay có kỳ hạn	
Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV địa phương	28	Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> ○ Bảo lãnh tín dụng 	Không trực tiếp rót vốn	Bảo lãnh tín dụng	Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV có tiềm năng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng ngân hàng ở các lĩnh vực được ưu tiên
Công ty tài chính	3	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cá nhân ○ Hộ kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cho vay, đầu tư 	Có	Cho vay có kỳ hạn	

Loại tổ chức tín dụng	Số lượng	Đối tượng khách hàng chính	Sản phẩm chính của tổ chức tín dụng	Hỗ trợ vốn cho DNNVV	Sản phẩm dành cho DNVV	Ưu điểm
		○ Doanh nghiệp	○ Cung cấp dịch vụ tư vấn về tài chính, bảo hiểm			
Công ty cho thuê tài chính	9	○ Cá nhân ○ Doanh nghiệp	○ Cho thuê tài sản cố định	Có	○ Cho thuê tài chính ○ Cho thuê vận hành ○ Mua và cho thuê lại	○ Giảm rủi ro sở hữu tài sản ○ Linh hoạt (quyền thuê và bỏ thuê) ○ Đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng
Công ty công nghệ tài chính (fintech)	150	○ Cá nhân ○ Doanh nghiệp	○ Cho vay	Có	Cho vay có kỳ hạn	○ Cho vay tín chấp với các khoản vay nhỏ, bổ sung vốn lưu động ○ Tốc độ giải ngân nhanh, thủ tục đơn giản
Tổ chức tài chính vi mô	4	○ Cá nhân ○ Doanh nghiệp	Dịch vụ tài chính vi mô như cho vay, tiết kiệm, bảo hiểm	Có	Cho vay có kỳ hạn	Phù hợp với doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ thuộc lĩnh vực ưu tiên nhưng khó tiếp cận với các thể chế tài chính chính thức
Quỹ phát triển DNNVV (SMEDF)	1	○ Doanh nghiệp	Cho vay đầu tư	Có	Cho vay đầu tư có kỳ hạn	Lãi suất ưu đãi, phù hợp với một số loại doanh nghiệp nhất định như doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

Loại tổ chức tín dụng	Số lượng	Đối tượng khách hàng chính	Sản phẩm chính của tổ chức tín dụng	Hỗ trợ vốn cho DNNVV	Sản phẩm dành cho DNVV	Ưu điểm
Quỹ đầu tư		○ Doanh nghiệp	Đầu tư vốn	Có	Đầu tư vốn cho doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> ○ Tăng nguồn vốn chủ sở hữu ○ Có thể được tư vấn cải thiện quản lý vận hành doanh nghiệp ○ Có thể được hỗ trợ kết nối với các đối tác tiềm năng

2. Xác định nguồn tài chính, sản phẩm tài chính phù hợp cho doanh nghiệp

Để giúp doanh nghiệp xác định được các nguồn tài chính và sản phẩm tài chính phù hợp với doanh nghiệp, sổ tay này sẽ hướng dẫn doanh nghiệp theo tuần tự 4 bước sau đây.



Bước 1 - Xác định giai đoạn phát triển của Doanh nghiệp và nhu cầu về tài trợ vốn

Nội dung thực hiện:

- Xác định doanh nghiệp đang ở giai đoạn phát triển nào?
- Xác định nhu cầu vốn của doanh nghiệp?

Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, cùng với nhu cầu vốn sẽ có những nguồn tài chính phù hợp cho DNNVV. Do vậy, nhằm giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với các nguồn tài chính phù hợp, sổ tay sẽ phân nhóm DNNVV theo các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp và phân nhóm các loại nhu cầu chính của doanh nghiệp.

1.1. Xác định giai đoạn phát triển của doanh nghiệp

Chu kỳ hình thành và phát triển chung của doanh nghiệp có 5 giai đoạn là **Khởi nghiệp; Xây dựng; Phát triển; Trưởng thành** và **Sau tăng trưởng** (hoặc là Lớn mạnh thành doanh nghiệp lớn, hoặc là Duy trì ở trạng thái ổn định hoặc là Suy thoái). Với mỗi giai đoạn có những đặc điểm, cơ hội và thách thức riêng, do đó, việc xác định rõ giai đoạn phát triển của doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận được đúng nguồn tài chính phù hợp với giai đoạn phát triển của mình.

DNNVV thường đang hoạt động chủ yếu đang ở 3 giai đoạn chính là Xây dựng; Phát triển; Tăng trưởng. Do vậy, trong phạm vi cuốn sổ tay, DNNVV sẽ tập trung phân thành 3 nhóm tương ứng với 3 giai đoạn phát triển này. Ngoài ra, sổ tay này cũng sẽ cung cấp thông tin về các nguồn tài chính dành cho nhóm “doanh nghiệp khởi nghiệp”.

- **Giai đoạn 0 - Khởi nghiệp**: Là giai đoạn ban đầu, khi chủ doanh nghiệp lên kế hoạch xây dựng một mô hình kinh doanh và bắt đầu bước vào các giai đoạn đầu tiên của chu kỳ vòng đời doanh nghiệp.
- **Giai đoạn 1 - Xây dựng**: Trong giai đoạn đầu của vòng đời doanh nghiệp, công việc kinh doanh bấp bênh, doanh thu thấp và lợi nhuận rất ít hoặc thậm chí chưa có nhưng đầy triển vọng.
- **Giai đoạn 2 - Phát triển**: Trong giai đoạn này, doanh thu tăng trưởng đều, dòng tiền luôn tích cực, chu trình vận hành trơn tru.
- **Giai đoạn 3 - Trưởng thành**: Giai đoạn trưởng thành bắt đầu khi doanh thu đạt đến mức lớn. Doanh nghiệp đang nắm bắt một lượng khách hàng cực tốt và dòng tiền ổn định thường xuyên.

Để giúp doanh nghiệp dễ dàng xác định doanh nghiệp đang ở giai đoạn nào và hướng đến tiếp cận các nguồn tài chính, cuốn sổ tay này sẽ phân nhóm doanh nghiệp dựa trên hai tiêu chí cơ bản và đơn giản nhất là doanh thu và thời gian hoạt động (*tiêu chí phân nhóm này được đưa ra dựa trên kết quả khảo sát tổ chức tài chính tại Việt Nam*). Cụ thể:

Nhóm DN	Số năm hoạt động	Doanh thu	
		Thời gian hoạt động	Doanh thu trung bình
<u>DNNVV 0</u>	Khởi nghiệp	Dưới 1 năm	Doanh thu rất thấp hoặc thậm chí chưa có doanh thu

DNNVV 1	Xây dựng	Dưới 2 năm	Dưới 2 tỷ
DNNVV 2	Phát triển	Trên 2 năm	20 tỷ - 100 tỷ
DNNVV 3	Trưởng thành	Trên 2 năm	100 tỷ - 300 tỷ

1.2. Xác định nhu cầu tài chính của doanh nghiệp

Nhu cầu vốn của doanh nghiệp có thể khái quát thành các nhóm chính như sau:

1. Nhu cầu gọi vốn khởi nghiệp
2. Nhu cầu bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Nhu cầu bổ sung vốn để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và đầu tư dự án (trung và dài hạn)
4. Nhu cầu tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu (trung và dài hạn)

Đối với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ có các ưu tiên về vốn khác nhau nhằm phục vụ cho các hoạt động chính của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

Bước 2 - Xác định nguồn và sản phẩm tài chính phù hợp

Nội dung thực hiện:

- **Xác định nguồn tài chính phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp?**
- **Xác định sản phẩm tài chính phù hợp?**

Hiện nay, hệ thống tổ chức tài chính đang cung cấp các sản phẩm đa dạng và đầy đủ cho DNNVV, mỗi tổ chức có những nhóm sản phẩm và đối tượng ưu tiên khác nhau. Bản đồ liên kết (mapping) các nguồn tài chính cho DNNVV dưới đây sẽ khái quát các nguồn tài chính theo giai đoạn phát triển của doanh nghiệp và thời gian sử dụng vốn.

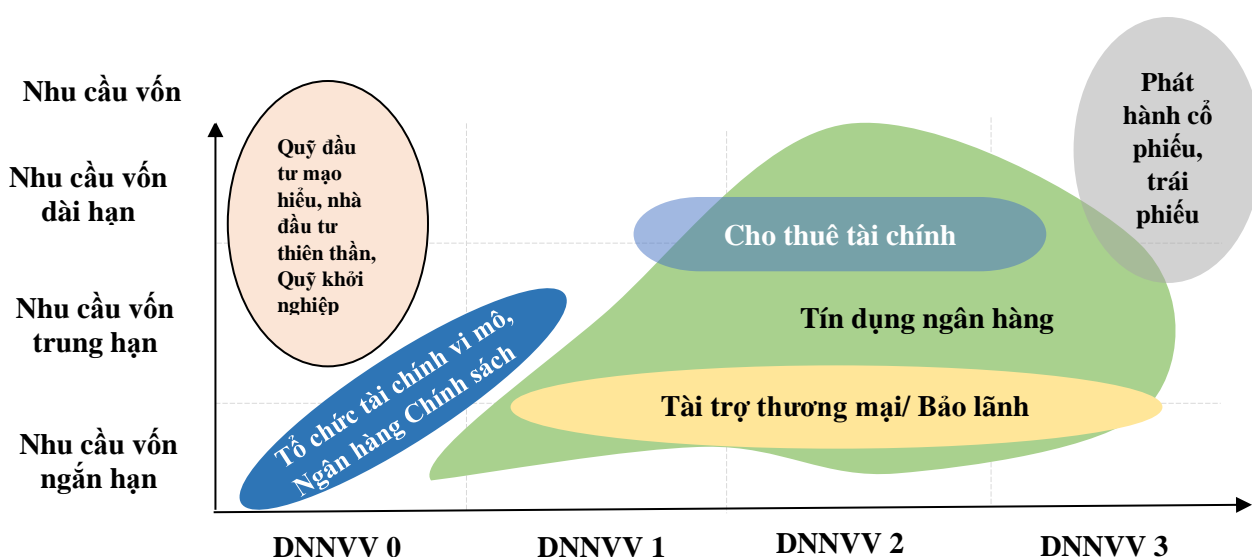
[DNNVV 0](#): Doanh nghiệp có thể huy động vốn thông qua các quỹ đầu tư, quỹ khởi nghiệp hoặc các tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng chính sách tùy theo điều kiện hiện tại của doanh nghiệp.

[DNNVV 1](#): khi có nhu cầu vốn ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể tiếp cận với tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng chính sách (nếu đủ điều kiện ưu đãi của tổ chức), ngân hàng

thương mại, quỹ bảo lãnh tín dụng. Khi có nhu cầu vốn trung và dài hạn đầu tư vào dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có thể tiếp cận với ngân hàng thương mại, công ty cho thuê tài chính, hay quỹ bảo lãnh tín dụng.

DNNVV 2: Doanh nghiệp tập trung tiếp cận sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, công ty công nghệ tài chính và quỹ bảo lãnh tín dụng.

DNNVV 3: Ngoài tận dụng các nguồn vốn như DNNVV 2, doanh nghiệp này có thể tìm kiếm đối tác chiến lược và các nhà đầu tư tiềm năng, các quỹ đầu tư... thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu.



Hình 1: Các nguồn tài chính theo nhu cầu vốn của doanh nghiệp

2.1. Nguồn và sản phẩm tài chính cho nhóm DNNVV 0

Nguồn cung cấp và sản phẩm/dịch vụ tài chính theo nhu cầu của nhóm DNNVV 0 có thể tóm tắt như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	<u>Ngân hàng thương mại</u>	<u>Ngân hàng chính sách</u>	<u>Tổ chức tài chính vi mô</u>	<u>Tổ chức bảo lãnh tín dụng</u>	<u>Công ty tài chính</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính</u>	<u>Công ty Công nghệ Tài chính</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>
I	Nhu cầu bổ sung vốn lưu động								
1	Tài trợ/cho vay vốn lưu động (*)		●	●					
II	Nhu cầu bổ sung vốn trung và dài hạn								
2	Tài trợ/cho vay mua phương tiện vận tải		●	●					
3	Tài trợ/cho vay mua máy móc, thiết bị, xây dựng/mở rộng nhà xưởng		●	●					
4	Cho thuê tài chính, cho thuê vận hành, mua và cho thuê lại tài sản (phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị)								
5	Tài trợ/cho vay đầu tư dự án		●	●					●
III.	Dịch vụ tín dụng								
6	Tài trợ thương mại (chiết khấu chứng từ thanh toán, bao thanh toán)	●							
7	Bảo lãnh (bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu, tín dụng thư L/C)								
8	Bảo lãnh tín dụng								

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	<u>Ngân hàng thương mại</u>	<u>Ngân hàng chính sách</u>	<u>Tổ chức tài chính vi mô</u>	<u>Tổ chức bảo lãnh tín dụng</u>	<u>Công ty tài chính</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính</u>	<u>Công ty Công nghệ Tài chính</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>
IV	Dịch vụ phi tín dụng								
9	Dịch vụ thẻ, thanh toán và quản lý dòng tiền	●							
10	Dịch vụ thu hộ/chi hộ	●							
V	Huy động vốn thông qua chứng khoán								
11	Phát hành cổ phiếu để huy động/gia tăng vốn chủ sở hữu (**)								
12	Phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của doanh nghiệp (**								

(*): *Vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động, chi phí quản lý chung, chi phí kinh doanh trực tiếp (nguyên vật liệu...).*

(**): *Việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán có điều kiện cụ thể. DNNVV 1 chưa đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng.*

Đối với DNNVV 0, do doanh nghiệp chưa có kết quả hoạt động, báo cáo tài chính hàng năm và lịch sử tín dụng với các tổ chức tài chính nên sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn như ngân hàng thương mại, công ty tài chính, quỹ bảo lãnh tín dụng. DNNVV 0 không thuộc đối tượng khách hàng của công ty cho thuê tài chính. Nguồn vốn chủ yếu đối với doanh nghiệp này là vốn chủ sở hữu, vốn huy động từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các nhà đầu tư nước ngoài. Khi DNNVV 0 thuộc diện chính sách, ưu tiên thì có thể tiếp cận nguồn vốn tại Ngân hàng chính sách và tổ chức tài chính vi mô.

2.2. Nguồn và sản phẩm tài chính cho nhóm DNNVV 1

Nguồn cung cấp và sản phẩm/dịch vụ tài chính theo nhu cầu của nhóm [DNNVV 1](#) có thể tóm tắt như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng chính sách	Tổ chức tài chính vi mô	Tổ chức bảo lãnh tín dụng	Công ty tài chính	Công ty cho thuê tài chính	Công ty Công nghệ Tài chính	Quỹ đầu tư
I	Nhu cầu bổ sung vốn lưu động								
1	Tài trợ/cho vay vốn lưu động (*)	●	●	●	●	●			
II	Nhu cầu bổ sung vốn trung và dài hạn								
2	Tài trợ/cho vay mua phương tiện vận tải	●	●	●		●			
3	Tài trợ/cho vay mua máy móc, thiết bị, xây dựng/mở rộng nhà xưởng	●	●	●		●			
4	Cho thuê tài chính, cho thuê vận hành, mua và cho thuê lại tài sản (phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị)						●		
5	Tài trợ/cho vay đầu tư dự án	●	●	●		●			●
III.	Dịch vụ tín dụng								
6	Tài trợ thương mại (chiết khấu chứng từ thanh toán, bao thanh toán)	●							
7	Bảo lãnh (bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu, tín dụng thư L/C)	●				●			
8	Bảo lãnh tín dụng				●	●			
IV	Dịch vụ phi tín dụng								

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng chính sách	Tổ chức tài chính vi mô	Tổ chức bảo lãnh tín dụng	Công ty tài chính	Công ty cho thuê tài chính	Công ty Công nghệ Tài chính	Quỹ đầu tư
9	Dịch vụ thẻ, thanh toán và quản lý dòng tiền	●							
10	Dịch vụ thu hộ/chi hộ	●							
V	Huy động vốn thông qua chứng khoán								
11	Phát hành cổ phiếu để huy động/gia tăng vốn chủ sở hữu (**)								
12	Phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của doanh nghiệp (**)								

Ghi chú:

(*): Vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động, chi phí quản lý chung, chi phí kinh doanh trực tiếp (nguyên vật liệu...).

(**): Việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán có điều kiện cụ thể. DNNVV 1 chưa đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng.

2.3. Nguồn và sản phẩm tài chính cho nhóm DNNVV 2

Nguồn cung cấp và sản phẩm/dịch vụ tài chính theo nhu cầu của nhóm [DNNVV 2](#) như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng chính sách	Tổ chức tài chính vi mô	Tổ chức bảo lãnh tín dụng	Công ty tài chính	Công ty cho thuê tài chính	Công ty Công nghệ Tài chính	Quỹ đầu tư
I	Nhu cầu bổ sung vốn lưu động								

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	<u>Ngân hàng thương mại</u>	<u>Ngân hàng chính sách</u>	<u>Tổ chức tài chính vi mô</u>	<u>Tổ chức bảo lãnh tín dụng</u>	<u>Công ty tài chính</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính</u>	<u>Công ty Công nghệ Tài chính</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>
1	Tài trợ/cho vay vốn lưu động (*)	●	●	●	●	●		●	
II	Nhu cầu bổ sung vốn trung và dài hạn								
2	Tài trợ/cho vay mua phương tiện vận tải	●	●	●		●			
3	Tài trợ/cho vay mua máy móc, thiết bị, xây dựng/mở rộng nhà xưởng	●	●	●		●			
4	Cho thuê tài chính, cho thuê vận hành, mua và cho thuê lại tài sản (phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị)						●		
5	Tài trợ/cho vay đầu tư dự án	●	●	●		●			●
III.	Dịch vụ tín dụng								
6	Tài trợ thương mại (chiết khấu chứng từ thanh toán, bao thanh toán)	●							
7	Bảo lãnh (bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu, tín dụng thư L/C)	●				●			
8	Bảo lãnh tín dụng				●	●			
IV	Dịch vụ phi tín dụng								
9	Dịch vụ thẻ, thanh toán và quản lý dòng tiền	●							
10	Dịch vụ thu hộ/chi hộ	●							

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng chính sách	Tổ chức tài chính vi mô	Tổ chức bảo lãnh tín dụng	Công ty tài chính	Công ty cho thuê tài chính	Công ty Công nghệ Tài chính	Quỹ đầu tư
V	Huy động vốn thông qua chứng khoán								
11	Phát hành cổ phiếu để huy động/gia tăng vốn chủ sở hữu (**)								●
12	Phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của doanh nghiệp (**)								●

Ghi chú: (*): Vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động, chi phí quản lý chung, chi phí kinh doanh trực tiếp (nguyên vật liệu...).

(**): Việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán có điều kiện cụ thể đối với doanh nghiệp.

2.4. Nguồn và sản phẩm tài chính cho nhóm DNNVV 3

Nguồn cung cấp và sản phẩm/dịch vụ tài chính theo nhu cầu của nhóm [DNNVV 3](#) như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	Ngân hàng thương mại	Ngân hàng chính sách	Tổ chức tài chính vi mô	Tổ chức bảo lãnh tín dụng	Công ty tài chính	Công ty cho thuê tài chính	Công ty Công nghệ Tài chính	Quỹ đầu tư
I	Nhu cầu bổ sung vốn lưu động								
1	Tài trợ/cho vay vốn lưu động (*)	●	●		●	●	●	●	
II	Nhu cầu bổ sung vốn trung và dài hạn								

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	<u>Ngân hàng thương mại</u>	<u>Ngân hàng chính sách</u>	<u>Tổ chức tài chính vi mô</u>	<u>Tổ chức bảo lãnh tín dụng</u>	<u>Công ty tài chính</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính</u>	<u>Công ty Công nghệ Tài chính</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>
2	Tài trợ/cho vay mua phương tiện vận tải	●	●			●			
3	Tài trợ/cho vay mua máy móc, thiết bị, xây dựng/mở rộng nhà xưởng	●	●			●			
4	Cho thuê tài chính, cho thuê vận hành, mua và cho thuê lại tài sản (phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị)						●		
5	Tài trợ/cho vay đầu tư dự án	●	●			●			●
III.	Dịch vụ tín dụng								
6	Tài trợ thương mại (chiết khấu chứng từ thanh toán, bao thanh toán)	●							
7	Bảo lãnh (bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu, tín dụng thư L/C)	●				●			
8	Bảo lãnh tín dụng				●	●			
IV	Dịch vụ phi tín dụng								
9	Dịch vụ thẻ, thanh toán và quản lý dòng tiền	●							
10	Dịch vụ thu hộ/chi hộ	●							
V	Huy động vốn thông qua chứng khoán								
11	Phát hành cổ phiếu để huy động/gia tăng vốn chủ sở hữu (**)								●

TT	Sản phẩm, dịch vụ tài chính theo nhu cầu của doanh nghiệp	<u>Ngân hàng thương mại</u>	<u>Ngân hàng chính sách</u>	<u>Tổ chức tài chính vi mô</u>	<u>Tổ chức bảo lãnh tín dụng</u>	<u>Công ty tài chính</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính</u>	<u>Công ty Công nghệ Tài chính</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>
12	Phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của doanh nghiệp (**)								●

Ghi chú: (*): Vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động, chi phí quản lý chung, chi phí kinh doanh trực tiếp (nguyên vật liệu...).

(**): Việc huy động vốn qua phát hành chứng khoán có điều kiện cụ thể đối với doanh nghiệp.

Bước 3 - Xác định điều kiện cho các loại sản phẩm và dịch vụ tài chính

Nội dung thực hiện:

- Xác định các điều kiện chung cho các loại sản phẩm và dịch vụ tài chính
- Xác định một số điều kiện đặc thù đối với doanh nghiệp

Các tổ chức tài chính khi cung cấp vốn cho DNNVV đều căn cứ vào các tiêu chí/yêu cầu cơ bản gồm:

- Hồ sơ pháp lý
- Hồ sơ tài chính
- Phương án sản xuất kinh doanh
- Hồ sơ đảm bảo tiền vay
- Quan hệ giao dịch – lịch sử tín dụng

- Không có nợ quá hạn
- Đáp ứng yêu cầu xếp hạng tín dụng.

Mô tả chi tiết về các điều kiện chung này được trình bày tại [Phụ lục 3](#).

Tuy nhiên tùy thuộc vào doanh nghiệp đang ở giai đoạn nào, mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp ra sao thì các điều kiện có thể thay đổi.

Sản phẩm tài chính cơ bản và điều kiện chung của các sản phẩm này được trình bày tại bảng dưới đây. Mô tả chi tiết một số sản phẩm/dịch vụ tài chính tiêu biểu được trình bày tại [Phụ lục 4](#).

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
Vay ngắn hạn (Bổ sung vốn lưu động)	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: < 1 năm - Hình thức: cho vay theo món, cho vay theo hạn mức, vay thấu chi - Lãi suất: Thỏa thuận (Lãi suất cho vay thường gồm Lãi suất tiền gửi tiết kiệm trung/dài hạn và biên độ lãi suất theo quy định của mỗi ngân hàng). Lãi suất và biên độ lãi suất sẽ thay đổi định kỳ, phụ thuộc vào chương trình ưu đãi của từng ngân hàng. Thông thường biên độ lãi suất của các NHTM từ 3,5%-5,5%/năm - Lãi suất cho vay bình quân: DN có thể tra cứu diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng với khách hàng được công bố hàng tháng trên trang web của NHNN: https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/tcbc để tham khảo. - Đối với 5 lĩnh vực ưu tiên (i) phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; (ii) thực hiện phương án kinh doanh hàng xuất khẩu; (iii) phục vụ kinh doanh của DNNVV; (iv) phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; (v) phục vụ kinh doanh của DN công nghệ cao) thì mức trần lãi suất tối đa là 4,5%/năm (với tổ chức tín dụng) 	<p>Doanh nghiệp phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ theo quy định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Báo cáo tài chính của doanh nghiệp - Phương án vay vốn và hồ sơ thuyết minh mục đích sử dụng vốn - Hồ sơ thế chấp cầm cố - Hồ sơ khác theo yêu cầu của tổ chức tài chính. <p>Yêu cầu về hồ sơ là chung đối với DNNVV 1, DNNVV 2 và DNNVV 3.</p> <p>Thông thường, mức độ yêu cầu về tài sản thế chấp, tỷ lệ thế chấp sẽ khác nhau giữa các loại doanh nghiệp. DNNVV 3 thường có tỷ lệ thế chấp nhỏ nhất và DNNVV 1 có tỷ lệ lớn nhất.</p>

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
		và 5,5%/năm (với quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô) (QĐ 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020)	
Vay ngắn hạn	<u>TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: Dưới 01 năm - Hình thức: Vay theo món - Hạn mức: 51-100tr VNĐ - Lãi suất: biến động tùy thời kỳ, thường khoảng 3,7% - 10%/năm - Hoàn trả: theo tuần hoặc tháng 	<p>Điều kiện: Vay vốn để tạo việc làm</p> <p>Doanh nghiệp có tối thiểu 03 lao động thuê ngoài có hợp đồng lao động còn hiệu lực</p> <p>Không yêu cầu thế chấp tài sản</p> <p>Sản phẩm/dịch vụ này chỉ hợp với <u>DNNVV 1.</u></p>
Vay ngắn hạn (Bổ sung vốn lưu động)	<u>CÔNG TY TÀI CHÍNH</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: Dưới 01 năm - Hình thức: cho vay theo món, cho vay theo hạn mức - Lãi suất: tối đa 20% 	<p>Doanh nghiệp phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ theo quy định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Hồ sơ tài chính - Hồ sơ vay vốn - Hồ sơ tài sản đảm bảo <p>Yêu cầu về hồ sơ là chung đối với DNNVV 1, DNNVV 2 và DNNVV 3.</p> <p>Thông thường, mức độ yêu cầu về tài sản đảm bảo khác nhau giữa các <u>loại doanh nghiệp.</u> DNNVV 3 thường có tỷ lệ tài sản đảm bảo nhỏ nhất và DNNVV 1 có tỷ lệ lớn nhất.</p>
Gọi vốn	<u>CÔNG TY CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: Từ 3 đến 12 tháng - Số tiền: Dưới 1 tỷ VNĐ - Không yêu cầu tài sản thế chấp - Hình thức: Nộp hồ sơ trực tuyến - Lãi suất: Dưới 20%/năm 	<p>Điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoạt động: Từ 2 năm trở lên - Có lợi nhuận dương trong năm gần nhất - Không có nợ chậm trả từ 90 ngày trở lên trong 3 năm gần nhất <p>Sản phẩm/dịch vụ này chỉ phù hợp với <u>DNNVV 2</u> và <u>DNNVV 3.</u></p>

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
Vay trung và dài hạn (Vay đầu tư dự án, vay mua máy móc thiết bị, vay đầu tư nhà xưởng, vay mua phương tiện vận tải, v.v.)	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u> <u>NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: 1-5 năm (trung hạn) và trên 5 năm (dài hạn) - Hình thức: Cho vay theo dự án đầu tư, cho vay hợp vốn (hai hoặc nhiều tổ chức tín dụng cùng thực hiện cho vay đối với một dự án/một phương án vay vốn của doanh nghiệp) - Lãi suất: Thỏa thuận (Lãi suất cho vay thường gồm Lãi suất tiền gửi tiết kiệm trung/dài hạn và biên độ lãi suất theo quy định của mỗi ngân hàng). Lãi suất và biên độ lãi suất sẽ thay đổi định kỳ, phụ thuộc vào chương trình ưu đãi của từng ngân hàng. Thông thường biên độ lãi suất của các NHTM từ 3,5%-5,5%/năm 	<p>Doanh nghiệp phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ theo quy định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn trung dài hạn - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Báo cáo tài chính - Vay dự án: Hồ sơ dự án cần vốn, hồ sơ tài chính, giấy tờ chứng minh lợi nhuận của dự án các năm trước và chứng minh khả năng sinh lợi của dự án trong tương lai để tổ chức tín dụng thẩm định và phê duyệt; Bảng tính số tiền vay, nguồn thu và khả năng trả nợ. - Vay mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, mở rộng nhà xưởng: Phương án kinh doanh, hợp đồng và hóa đơn liên quan đến mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết kế nhà xưởng, v.v. - Hồ sơ khác theo yêu cầu của tổ chức tài chính. <p>Doanh nghiệp phải không có nợ xấu ở bất cứ tổ chức tín dụng nào khác và phải có tối thiểu một số vốn nhất định (thông thường 30%-40%).</p> <p>Thông thường, tỉ lệ thế chấp tài sản và số vốn phải có sẽ khác nhau giữa các <u>loại doanh nghiệp</u>. DNNVV 3 sẽ có tỉ lệ yêu cầu thấp hơn do với DNNVV 2 và DNNVV1.</p>
Vay trung và dài hạn	<u>TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: Tối đa 2 năm - Hình thức: Vay theo món - Hạn mức: 51-100tr VNĐ - Lãi suất: biến động tùy thời kỳ, thường khoảng 3,7% - 10%/năm - Hoàn trả: theo tuần hoặc tháng 	<p>Điều kiện: Vay vốn để tạo việc làm</p> <p>Doanh nghiệp có tối thiểu 03 lao động thuê ngoài có hợp đồng lao động còn hiệu lực</p> <p>Không yêu cầu thế chấp tài sản</p> <p>Sản phẩm/dịch vụ này phù hợp cho <u>DNNVV 1</u>.</p>

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
Vay trung và dài hạn	<u>CÔNG TY TÀI CHÍNH</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: 1-5 năm (trung hạn) và trên 5 năm (dài hạn) - Hình thức: Cho vay dự án - Lãi suất: thỏa thuận, không quá 20%/năm 	<p>Doanh nghiệp phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ theo quy định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn trung dài hạn - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Báo cáo tài chính - Hồ sơ dự án thể hiện tính khả thi - Thông tin về người quản lý vận hành dự án có kinh nghiệm, năng lực. - Hồ sơ khác theo yêu cầu.
Cho thuê tài chính	<u>CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: <ul style="list-style-type: none"> + Với tài sản mới: tối đa không quá 10 năm + Với tài sản đã qua sử dụng: tối đa không quá 5 năm - Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Cho thuê tài chính: Công ty cho thuê tài chính đại diện cho bên cho Thuê sẽ mua tài sản từ nhà cung cấp và cho bên Thuê thuê lại theo lịch trình thanh toán thể hiện trên hợp đồng thuê + Mua và cho thuê lại: Công ty cho thuê tài chính mua lại tài sản thuộc sở hữu của bên Thuê và cho thuê lại chính tài sản đó. + Cho thuê vận hành: Bên thuê sử dụng tài sản cho thuê của công ty cho thuê tài chính và trả lại tài sản cho công ty sau khi kết thúc thời hạn thuê tài sản - Lãi suất cho thuê: Thỏa thuận nhưng tối đa không quá 20%/năm. Trường hợp không ghi rõ lãi suất trong hợp đồng thì lãi suất sẽ bằng tối đa 10%/năm. 	<p>Điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thời điểm thuê: bên thuê không có nợ xấu tại bất cứ tổ chức tín dụng nào - Có phương án đầu tư sản xuất kinh doanh khả thi, hiệu quả - Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán tiền thuê trong thời hạn cam kết - Phải đặt cọc tối thiểu 20%-30% tổng giá mua tài sản thuê (đối với hình thức Cho thuê tài chính) <p>Hồ sơ: Thường gồm các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (Bên Thuê) - Hồ sơ tài chính của doanh nghiệp (Bên thuê) gồm Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, danh mục tài sản cố định, v.v. - Hồ sơ liên quan đến thuê tài chính: Giấy đề nghị thuê tài chính, phương án (dự án) thuê tài chính, Báo giá/hợp đồng mua bán tài sản. <p>Thông thường, lãi suất cho thuê và tỷ lệ đặt cọc tối thiểu có thể có khác nhau giữa các <u>loại doanh nghiệp</u>, DNNVV 1, DNNVV 2, và DNNVV 3.</p>

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
Tài trợ thương mại (Tài trợ nhập khẩu, cho vay đảm bảo bằng bộ chứng từ xuất khẩu, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán)	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u>	Tài trợ nhập khẩu: <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: linh hoạt, lên tới 12 tháng tùy tổ chức tín dụng - Phương thức vay: cho vay theo món - Số tiền vay: tối đa lên tới 100% giá trị lô hàng - Tài sản đảm bảo: bằng lô hàng nhập khẩu và các tài sản khác theo quy định của tổ chức tín dụng - Loại tiền cho vay: VNĐ hoặc ngoại tệ 	Tài trợ nhập khẩu: Doanh nghiệp phải chuẩn bị hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Hồ sơ tài chính - Hồ sơ tài sản đảm bảo - Hợp đồng ngoại thương - Bảo hiểm đơn (nếu có)
	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u>	Cho vay đảm bảo bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ xuất khẩu: <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: tối đa 180 ngày - Phương thức vay: Cho vay theo món - Số tiền vay: tối đa 95% tổng giá trị lô hàng - Tài sản đảm bảo: 100% nguồn thu từ L/C được tài trợ 	Cho vay đảm bảo bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ xuất khẩu: Doanh nghiệp phải chuẩn bị hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Hồ sơ tài chính - Hồ sơ vay bao gồm: Giấy đề nghị vay, bản gốc L/C, bản gốc bộ chứng từ, Bản gốc Tờ khai hải quan, Hợp đồng ngoại thương.
	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u>	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu: <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: tối đa 180 ngày - Tỷ lệ chiết khấu: tối đa 98% giá trị bộ chứng từ - Đồng tiền chiết khấu: VNĐ hoặc ngoại tệ 	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu: Doanh nghiệp phải chuẩn bị hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Hồ sơ tài chính - Hồ sơ đề nghị chiết khấu bao gồm: Giấy đề nghị vay chiết khấu, Bản gốc L/C, Nhờ thu, Bản gốc bộ chứng từ, Bản gốc Tờ khai hải quan, Hợp đồng ngoại thương.
	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u>	Bao thanh toán: là một trong những hình thức cấp tín dụng do các ngân hàng, tổ chức tín dụng cấp cho doanh nghiệp thông qua việc mua lại các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động mua, bán hàng hóa. Tổ chức tín dụng sẽ đóng vai trò là bên bao thanh toán, cung cấp nguồn vốn	Bao thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị bao thanh toán - Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp - Hồ sơ tài chính - Hồ sơ về khoản phải thu đề nghị bao thanh toán bao gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
		cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại. - Thời hạn: lên tới 180 ngày - Tài sản đảm bảo: Không yêu cầu - Hình thức: bao thanh toán theo món, theo hạn mức và đồng bao thanh toán (hai hoặc nhiều tổ chức tín dụng cùng thực hiện bao thanh toán cho một dự án cụ thể, trong đó một tổ chức đứng ra thực hiện bao thanh toán.	bán hàng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng, v.v. - Hồ sơ về tài sản đảm bảo (nếu có) - Hồ sơ khác theo yêu cầu cụ thể của tổ chức tín dụng.
Bảo lãnh	<u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</u>	Bảo lãnh: gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, v.v trong đó tổ chức tín dụng cam kết đứng ra thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp với bên có quyền nhận bảo lãnh. - Hình thức phát hành chứng thư bảo lãnh: bằng giấy hoặc điện tử - Loại tiền bảo lãnh: VNĐ hoặc ngoại tệ - Tài sản đảm bảo: linh hoạt như bất động sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, số dư tiền gửi/tiền tạm ứng, v.v. - Phí bảo lãnh: thỏa thuận	Doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ sau: - Giấy đề nghị bảo lãnh - Hồ sơ pháp lý - Hồ sơ mục đích - Hồ sơ tài chính kinh doanh - Hồ sơ tài sản đảm bảo. Thông thường, mức độ yêu cầu về tài sản đảm bảo, tỷ lệ tài sản đảm bảo sẽ khác nhau giữa các <u>loại doanh nghiệp</u>. DNNVV 3 thường có tỷ lệ thấp nhất và DNNVV 1 có tỷ lệ cao nhất.
Bảo lãnh tín dụng	TỔ CHỨC BẢO LÃNH TÍN DỤNG	Bảo lãnh tín dụng là bảo lãnh bảo lãnh vay vốn, trong đó tổ chức bảo lãnh tín dụng cam kết đứng ra thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp với bên có quyền nhận bảo lãnh. - Hình thức phát hành chứng thư bảo lãnh: bằng giấy hoặc điện tử - Loại tiền bảo lãnh: VNĐ hoặc ngoại tệ - Thời hạn bảo lãnh: phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa ngân hàng và tổ chức tín dụng.	Doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau: - Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được tổ chức bảo lãnh thẩm định là có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay. - Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay. - Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh.

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
		<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản đảm bảo: Doanh nghiệp phải có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố ban đầu tại Quỹ bảo lãnh tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay. - Phí bảo lãnh: thỏa thuận 	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức kinh tế khác. - Bên được bảo lãnh phải sử dụng tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai để thực hiện các biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh. <p>Thông thường, mức độ yêu cầu về tài sản đảm bảo, tỷ lệ tài sản đảm bảo sẽ khác nhau giữa các <u>loại doanh nghiệp</u>. DNNVV 3 thường có tỷ lệ thấp nhất và DNNVV 1 có tỷ lệ cao nhất.</p>
<p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>(Chào bán lần đầu ra công chúng, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)</p>	CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	<p>Doanh nghiệp là chưa là công ty đại chúng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phần riêng lẻ, và chào bán cổ phần ra công chúng. - Thời gian: Thông thường từ 3 đến 6 tháng hoặc 1 năm tùy thuộc vào quy mô doanh nghiệp và quy mô chào bán. <p>Doanh nghiệp là công ty đại chúng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ - Thời gian: Thông thường từ 1 đến 4 tháng tùy thuộc vào quy mô/số lượng cổ phiếu chào bán. <p>Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của công ty chứng khoán: cam kết với tổ chức phát hành (doanh nghiệp) nhận mua một số hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán chưa phân phối hết.</p>	<p>Một số điều kiện để chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm phát hành cổ phiếu: 30 tỷ trở lên tính theo giá trị sổ sách - BCTC 2 năm liền kề trước có lãi - Không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán - Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua - Tối thiểu là 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn <p>Điều kiện để phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua - Tổng giá trị các nguồn vốn (thặng dư vốn, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận chưa phân phối) phải

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
			<p>đảm bảo không thấp hơn tổng giá trị vốn cổ phần tăng thêm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu/chào bán thêm cổ phiếu - Bản cáo bạch - Điều lệ tổ chức phát hành - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua - Hợp đồng tư vấn đăng ký chào bán cổ phiếu - Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có) của tổ chức tài chính/tổ chức tín dụng. <p>Dịch vụ này phù hợp với DNNVV 3.</p>
Tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp	CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: chào bán trái phiếu riêng lẻ - Thời gian: Thông thường từ 3 đến 6 tháng hoặc 1 năm tùy quy mô doanh nghiệp và quy mô trái phiếu chào bán. <p>Công ty chứng khoán: Cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu.</p> <p>Ngân hàng thương mại: tư vấn phát hành trái phiếu, đại lý đăng ký lưu ký trái phiếu, đại lý thanh toán trái phiếu, đại lý quản lý tài sản đảm bảo cho trái phiếu, bảo lãnh thanh toán trái phiếu.</p>	<p>Một số điều kiện để chào bán trái phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm phát hành trái phiếu: 30 tỷ trở lên tính theo giá trị sổ sách - BCTC của năm liền kề trước phải có lãi - Không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán - Không có nợ quá hạn trên 1 năm. - Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Việc phát hành phải được bảo đảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ lãi và gốc thông qua bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, bằng tài sản của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba. <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký chào bán trái phiếu

Sản phẩm/ dịch vụ	Tổ chức	Mô tả sản phẩm	Điều kiện/Hồ sơ
			<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phát hành trái phiếu - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua - Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến phát hành trái phiếu - Báo cáo tài chính của năm trước liền kề được kiểm toán - Quyết định phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền. <p>Dịch vụ này phù hợp với DNNVV 3.</p>

Bước 4 - Xác định ngành, lĩnh vực, tiêu chí ưu tiên của Tổ chức tài chính

Nội dung thực hiện:

- **Tìm hiểu một số ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên của các tổ chức tài chính**
- **Xác định mức độ phù hợp và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (nếu có)**

Tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế-xã hội và chiến lược phát triển của các tổ chức tài chính mà các tổ chức tài chính sẽ đưa ra các gói sản phẩm/dịch vụ ưu tiên khác nhau (về ngành nghề, lĩnh vực, đối tượng) trong từng thời kỳ cụ thể. Tuy nhiên, với sự phát triển và cạnh tranh không ngừng của thị trường tài chính, các gói sản phẩm/dịch vụ ưu tiên theo ngành, lĩnh vực, đối tượng sẽ luôn đa dạng.

Dưới đây là một số thông tin ưu tiên của các tổ chức tài chính trong giai đoạn hiện nay để doanh nghiệp tham khảo. Thông tin chi tiết của từng tổ chức, doanh nghiệp có thể xem tại trang web và/hoặc liên hệ trực tiếp với tổ chức tài chính.

4.1. Một số ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên của các tổ chức tài chính

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Ghi chú
1	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	NH Bắc Á	Dành cho các doanh nghiệp thực hiện đầu tư dự án, sản xuất trong ngành nông nghiệp công nghệ cao.
2	Tài trợ doanh nghiệp cho đầu tư vào dự án điện mặt trời	NH Bản Việt NH Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) NH Phương Đông NH Quốc dân (NCB) Công ty Tài chính Điện lực (EVN Finance)	NH Bản Việt: Thời hạn vay đến 7 năm, tỉ lệ tài trợ tới 85% tổng dự án. NH Sacombank: Cho vay lên đến 70% nhu cầu vốn đầu tư dự án điện mặt trời, cho khách hàng DN tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với lãi suất ưu đãi 8,5%/năm trong năm đầu, thời gian vay tối đa 8 năm. NH Phương Đông: Cấp tín dụng cho DN đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái ở miền Trung và miền Nam, thời hạn tối đa 5 năm, hạn mức tối đa 70% tổng giá trị đầu tư. NH NCB: Tỷ lệ tài trợ 70% bảng báo giá/giá trị hợp đồng/hóa đơn đầu vào.

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Ghi chú
3	Kinh doanh xe ô tô	NH Đại Dương (Ocean Bank)	Tỷ lệ cấp tín dụng/TSBĐ là lô xe lên tới 85%. Lãi suất: từ 5%/năm (<i>tùy thời kỳ có thể có điều chỉnh</i>) Thời hạn: 12 tháng.
4	Doanh nghiệp vận tải, bốc xúc trong lĩnh vực khai thác than cho Tổng công ty Than khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và Tổng công ty Đông Bắc	NH Đại Dương (Ocean Bank)	Tỷ lệ tài trợ lên đến 85% nhu cầu vốn. Thời hạn: tối đa 12 tháng.
5	Tài trợ xuất nhập khẩu (*)	NH Đông Á NH SHB NH Eximbank	Đa dạng sản phẩm Lãi suất thấp 2,5 – 3,5% (tùy kỳ hạn vay)
6	Ngành dược phẩm, thiết bị và vật tư y tế	NH Bắc Á NH MSB NH Eximbank NH MB Bank	Cấp tín dụng cho pháp nhân là doanh nghiệp thực hiện các gói thầu cung cấp Dược phẩm, vật tư y tế có xuất xứ trong và ngoài nước cho các bệnh viện tuyến Trung ương/tỉnh/thành phố; doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, trang thiết bị và vật tư y tế.
7	Ngành xây dựng, xây lắp	NH Đông Á NH Tiên Phong NH SHB NH MSB NH Phương Đông NH HD Bank NH SeaBank NH Techcombank NH MB Bank NH Quốc dân (NCB) NH Việt Nam Thương tín (Viet Bank) NH PVcombank	NH Đông Á: Cấp tín dụng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp thi công các công trình, hạng mục xây dựng. NH Tiên Phong: Tài trợ vốn cho nhà thầu thi công xây lắp nhà máy, nhà xưởng trong Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp. NH SHB: Tài trợ dựa trên 100% tài sản bảo đảm là Quyền đòi nợ đối với Hạn mức tín dụng/ Hạn mức công trình. NH MSB: Cấp tín dụng cho doanh nghiệp xây dựng có doanh thu từ 20 tỷ VNĐ trở lên. NH SeaBank: Cấp vốn lưu động NH Techcombank: Tài trợ vốn cho nhà thầu/nhà cung cấp của Cotecon. NH NCB: Tài trợ DN xây lắp thực hiện hợp đồng/gói thầu có nguồn vốn từ NSNN/ODA.

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Ghi chú
			NH Viet Bank: Tỷ lệ cho vay không vượt 70% giá trị hợp đồng thi công tổng thể cho công trình.
8	Doanh nghiệp ngành nhựa và bao bì	NH Tiên Phong NH Eximbank NH MB Bank NH Việt Nam Thương tín (Vietbank)	NH Tiên Phong: Tài trợ tối đa 100% hóa đơn/hợp đồng đầu vào. NH Eximbank: Tài trợ lên tới 90% TSDB là bất động sản. NH MB Bank: Tỷ lệ tài trợ 100% giá trị đầu vào. NH Viet Bank: Tài trợ vốn ngắn hạn cho DN ngành nhựa.
9	Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu	NH SHB NH Eximbank NH HD Bank NH PG Bank NH Nam Á NH MB Bank NH VIB	Cấp tín dụng lên tới 75% tổng nhu cầu vốn với Tài sản đảm bảo linh hoạt. Cho vay trung hạn đầu tư, sửa chữa Tài sản cố định với thời gian lên tới 60% và ân hạn trả gốc lên tới 12 tháng.
10	Doanh nghiệp sản xuất	NH MSB	Cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn cho doanh nghiệp sản xuất có doanh thu 20 tỷ VND/năm trở lên.
11	Doanh nghiệp ngành dệt may	NH Phương Đông	Cho vay vốn lưu động với doanh nghiệp sản xuất, gia công, thương mại, dịch vụ với ngành dệt may
12	Doanh nghiệp ngành gạo	NH Việt Á NH VP Bank	Cho vay vốn lưu động với doanh nghiệp ngành gạo.
13	Doanh nghiệp ngành gỗ	NH VP Bank NH Quốc dân (NCB)	NH VP Bank: Hạn mức cho vay cao, lên tới 20 tỷ VND. NH NCB: Tài trợ vốn cho doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ.
14	Doanh nghiệp ngành cà phê	NH VP Bank NH Bản Việt	NH VP Bank: Hạn mức cho vay cao, lên tới 20 tỷ VND. NH Bản Việt: Tỷ lệ cho vay tối đa 70%, thời hạn: tối đa 12 tháng.
15	Doanh nghiệp ngành thủy sản	NH VP Bank	
16	Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp, lắp đặt thiết bị ngành điện	NH MB Bank	Cấp vốn lưu động. Tỷ lệ tài trợ: Tối đa 100% giá trị hóa đơn/hợp đồng đầu vào
17	Doanh nghiệp là nhà thầu thực hiện các gói thầu, dự án của chủ đầu tư EVN	NH Tiên Phong	Tài trợ linh hoạt kể cả khi doanh nghiệp chưa ký hợp đồng chính thức với EVN.

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Ghi chú
18	Doanh nghiệp là khách hàng vệ tinh của Tập đoàn FLC	NH Phương Đông	Cấp bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ thi công, xây lắp, cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa cho Tập đoàn FLC.
19	Doanh nghiệp là nhà cung ứng hàng hóa dịch vụ cho Bộ Công An/Bộ Quốc phòng; Tổng công ty cổ phần đầu tư quốc tế Viettel	NH MB Bank	

Nguồn: Trang web của các tổ chức tín dụng (tại thời điểm tháng 10/2021).

Lưu ý: (*) Hầu hết các tổ chức tài chính đều có dịch vụ tài trợ thương mại (tài trợ cho hoạt động xuất-nhập khẩu, chiết khấu bộ chứng từ, v.v.) nhưng ưu tiên về tài trợ xuất nhập khẩu cho DNNVV.

4.2. Một số dự án ODA hỗ trợ vay vốn cho DNNVV

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính nhận ủy thác</u>	Thông tin chi tiết
1	Năng lượng sạch, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh thông qua Dự án Phát triển năng lượng tái tạo của Ngân hàng Thế giới (WB)	NH BIDV NH Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	WB hỗ trợ giảm trực tiếp vào lãi suất chủ đầu tư vay của ngân hàng là 1,5%/năm. Số tiền vay tối đa đến 80% tổng giá trị đầu tư của dự án. Thời hạn: tối đa lên tới 15 năm.
2	Doanh nghiệp thuộc khu vực nông thôn trong khuôn khổ dự án Tài chính nông thôn cho Ngân hàng Thế giới tài trợ	NH SHB NH ACB	NH SHB: Lãi suất ưu đãi giảm 1% so với lãi suất thông thường. Số tiền cho vay: tối đa 70% tổng chi phí dự án. Thời hạn: lên tới 15 năm. NH ACB: Tài trợ cho dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh với quy mô khoản vay nhỏ hơn 3 tỷ, có địa điểm đầu tư nằm ngoài TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng. Thời hạn: lên tới 10 năm.
3	Doanh nghiệp là nhà thầu của dự án có nguồn vốn tài trợ từ Ngân hàng KfW (Ngân hàng Tái thiết Đức) theo Hiệp định vay giữa KfW và	NH SHB	Mức tài trợ: Lên tới 95% nhu cầu vốn. Tài sản bảo đảm: chấp nhận TSBĐ là Quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ vốn vay; chấp nhận không có TSBĐ đối với một số loại bảo lãnh đặc thù.

TT	Ngành, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính nhận ủy thác</u>	Thông tin chi tiết
	Chính phủ Việt Nam, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ○ Dự án Lưới điện thông minh – Hiệu quả trong truyền tải điện. ○ Dự án Lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ 		Chính sách ưu đãi về phí thanh toán quốc tế, phí bảo lãnh: giảm tối đa 50% so với biểu phí thông thường của SHB.
4	DNNVV được tài trợ từ dự án cho vay lại từ nguồn vốn do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ (dự án SMEFP)	NH SHB NH Việt Á NH ACB NH NCB	NH SHB: Lãi suất ưu đãi: Giảm 2,5% so với lãi suất thông thường. Thời hạn cho vay: tối đa lên tới 10 năm. Thời gian ân hạn gốc tối đa 2 năm. KH đảm bảo tự tài trợ tối thiểu 15% tổng chi phí hợp lệ của dự án. KH Việt Á: Lãi suất ưu đãi 6,5%/năm. Thời hạn cho vay tối đa 10 năm. Thời gian ân hạn: 2 năm. Hạn mức: 25 tỷ/khách hàng.

Nguồn: Trang web của các tổ chức tín dụng (tại thời điểm tháng 11/2021).

4.3. Doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đổi mới sáng tạo

DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: là DNNVV được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác các loại tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay là một trong những đối tượng ưu tiên được hỗ trợ vốn của nhà nước thông qua Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia NATIF. Cụ thể như sau:

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
1	Sản phẩm tín dụng cho DNNVV đổi mới sáng tạo từ nguồn vốn Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)	NH BIDV NH Vietcombank NH SHB NH HD Bank NH Sacombank NH Bắc Á NH MB Bank	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại (lãi suất ngắn hạn: 2.16%/năm, trung và dài hạn: 4%/năm) - Không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Tổng mức cho vay đối với 01 DNNVV tối đa 125,59 tỷ đồng - Thời hạn: Tối đa 7 năm - Hình thức: Cho vay gián tiếp qua 6 NHTM.

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
2	Sản phẩm tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các dự án chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ được khuyến khích chuyển giao; chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm mới và thương mại hóa sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ngành công nghiệp công nghệ cao; đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghiệp thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia NATIF (*)	Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia NATIF	Các chương trình: <ul style="list-style-type: none"> - Cho vay ưu đãi - Hỗ trợ lãi suất vay vốn - Bảo lãnh để vay vốn - Hỗ trợ vốn

Nguồn: Trang web của các tổ chức tín dụng (tại thời điểm tháng 11/2021).

Lưu ý: (*) Đến 30/11/2021, Quỹ chưa tiếp nhận các hồ sơ đề xuất của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về việc hỗ trợ tài chính từ Quỹ để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ. Ngay sau khi có hành lang pháp lý đầy đủ và được cấp vốn điều lệ, Quỹ sẽ thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên các phương tiện truyền thông đại chúng theo đúng quy định.

4.4. Doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

DNNVV có liên kết chuỗi cung ứng toàn cầu, chuỗi giá trị là DNNVV có tham gia vào/là một mắt xích trong các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Phù hợp với xu thế chung của toàn cầu hóa và sự phát triển của chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, doanh nghiệp tham gia các chuỗi liên kết cũng được hỗ trợ ưu đãi về vốn thông qua Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF). Các DNNVV tham gia chuỗi cung ứng của một số doanh nghiệp lớn trong nước cũng thuộc diện ưu tiên của các tổ chức tài chính. Cụ thể:

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
1	Sản phẩm tín dụng cho cho DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, liên kết chuỗi giá trị từ	NH BIDV NH Vietcombank NH SHB NH HD Bank	- Lãi suất bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại (lãi suất ngắn hạn: 2,16%/năm, trung và dài hạn: 4%/năm)

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
	nguồn vốn Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)	NH Sacombank NH Bắc Á NH MB Bank	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Tổng mức cho vay đối với 01 DNNVV tối đa 125,59 tỷ đồng - Thời hạn: Tối đa 7 năm - Hình thức: Cho vay gián tiếp qua 6 NHTM.
2	Doanh nghiệp phân phối/chuỗi	NH Bắc Á NH SHB NH Phương Đông NH Eximbank NH Techcombank NH VIB	<p>NH Bắc Á: Cấp tín dụng ngắn hạn dành cho nhà phân phối của CTCP Chuỗi thực phẩm TH.</p> <p>NH SHB: Cấp tín dụng ngắn hạn dành cho nhà phân phối của CTCP Vinamilk.</p> <p>NH Phương Đông: Cấp tín dụng ngắn hạn không tài sản đảm bảo cho nhà phân phối của Vinamilk, NutiFood.</p> <p>NH Eximbank: Tài trợ vốn cho nhà phân phối/Đại lý của Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu.</p> <p>NH Techcombank: Tài trợ vốn cho nhà phân phối của Masan.</p> <p>NH VIB: Cấp tín dụng tối đa 12 tháng cho nhà phân phối lĩnh vực tiêu dùng nhanh (FMCG)</p>

Nguồn: Trang web của các tổ chức tín dụng (tại thời điểm tháng 11/2021).

4.5. Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Doanh nghiệp do nữ làm chủ để tham gia chương trình cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau tại thời điểm phê duyệt khoản vay: Ít nhất 50% vốn do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu, phụ nữ giữ vai trò điều hành cao nhất hoặc thứ hai, ít nhất 30% thành viên của Hội đồng quản trị là nữ (nếu doanh nghiệp có Hội đồng quản trị).

Một số sản phẩm tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp nữ làm chủ doanh nghiệp có thể tham khảo như sau:

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
1	Sản phẩm tín dụng cho cho một số doanh nghiệp nữ làm chủ có nguồn vốn ủy thác từ tổ chức quốc tế Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB (quỹ We-Fi)	NH ACB NH BIDV NH SHB NH Tiên Phong NH VP Bank	<p>NH BIDV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia hạn nợ thêm 6 tháng, hỗ trợ lãi suất - Lãi suất ưu đãi 7,5%/năm đầu tiên cho doanh nghiệp mới. <p>NH VPBank:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm lãi suất lên tới 2% (tối đa 230tr/khách hàng).

TT	Đối tượng ưu tiên	<u>Tổ chức tài chính</u>	Thông tin chi tiết
			NH SHB: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí cơ cấu lại khoản vay. - Miễn phí lãi 6 tháng lên tới 230tr VNĐ. - Lãi suất ưu đãi khoản vay mới (3,85%/năm ngắn hạn và 6,1%/năm trung và dài hạn). NH Tiên Phong: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu thời gian trả nợ - Hỗ trợ lãi suất - Lãi suất ưu đãi với khoản vay mới.
2	Sản phẩm tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp nữ làm chủ từ các ngân hàng thương mại	NH Phuong Dong	DNNVV do nữ làm chủ với doanh thu dưới 400 tỷ. Lãi suất vay ưu đãi: 7,5%/năm Giảm 50% phí bảo lãnh phát hành.

Nguồn: Trang web của các tổ chức tín dụng (tại thời điểm tháng 11/2021).

3. Các dịch vụ phi tài chính dành cho DNNVV

Ngoài các dịch vụ tài chính nêu trên, DNNVV có thể tận dụng thêm một số dịch vụ phi tài chính để gián tiếp gia tăng khả năng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp. Một số dịch vụ phi tài chính DNNVV có thể tham khảo như sau:

Sản phẩm phi tài chính	Tổ chức cung cấp	Nội dung	Điều kiện tham gia
Cổng thông tin riêng dành cho doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Vietinbank https://www.vietinbank.vn/smebanking	<ul style="list-style-type: none"> ○ Các chương trình ưu đãi cho doanh nghiệp là thành viên của Vietinbank Club ○ Cung cấp bản tin phân tích ngành & thị trường ○ Cung cấp khóa học trực tuyến cho doanh nghiệp 	DNNVV mở tài khoản tại Vietinbank
	Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB https://smecare.com.vn/	<ul style="list-style-type: none"> ○ Gói giải pháp hỗ trợ tài chính 	DNNVV mở tài khoản tại MB

Sản phẩm phi tài chính	Tổ chức cung cấp	Nội dung	Điều kiện tham gia
		<ul style="list-style-type: none"> ○ Tài trợ truyền thông ○ Tài trợ các khóa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ○ Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp 	
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VP Bank https://smeconnect.vpbank.com.vn/	<ul style="list-style-type: none"> ○ Tập huấn miễn phí về quản trị, marketing, tài chính cho doanh nghiệp ○ Cấp gói giải pháp chuyển đổi số 	DNNVV mở tài khoản tại VP Bank
	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – BIDV https://www.bidv.com.vn/vn/doanh-nghiep (BIDV đang trong quá trình xây dựng cổng thông tin)	Tập huấn trực tuyến (bài giảng + tài liệu) miễn phí cho doanh nghiệp	DNNVV mở tài khoản tại BIDV
Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV tại các địa phương	Hà Nội: https://hotrodoanhnghiep.hanoi.gov.vn./ho-tro/tiep-can-tai-chinh-tin-dung	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cập nhật một số gói hỗ trợ của ngân hàng ○ Thông tin về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước 	
Tập huấn đào tạo về quản trị doanh nghiệp	Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía bắc https://vietnamsme.gov.vn/elearning/	Cung cấp khóa học trực tuyến miễn phí về quản trị bán hàng, tiếp thị, tài chính, kế toán, nhân sự, sản xuất, tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo	Mọi DNNVV
Mạng lưới tư vấn viên	Bộ Kế hoạch và Đầu tư https://business.gov.vn/ Bộ Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> ○ Giới thiệu chuyên gia tư vấn có đủ năng lực trong 	Mọi DNNVV

Sản phẩm phi tài chính	Tổ chức cung cấp	Nội dung	Điều kiện tham gia
	Bộ Tư Pháp	<p>một số chuyên ngành trên mạng lưới</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Hỗ trợ kinh phí tư vấn (tối đa 50%) khi DNNVV sử dụng tư vấn trong mạng lưới 	
Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cung cấp phần mềm quản trị kinh doanh BMP của Công ty TNHH Kiu Việt Nam trong 2 năm ○ Hoặc miễn phí sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET 2020 + MEINVOICE.VN (300 Hóa đơn) của Công ty cổ phần MISA 	DNNVV là khách hàng của BIDV và có nhu cầu thực hiện chuyển đổi số
Chương trình tư vấn kinh doanh của Quỹ sáng kiến tài chính dành cho nữ doanh nhân (We-Fi)	<p>Ủy thác quản lý tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) ○ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) ○ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) ○ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ○ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). 	Tập huấn cho chủ doanh nghiệp nữ	Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ
Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và	<p>Thực hiện bởi Công ty Công nghệ Real-Time Analytics (RTA) https://rta.vn/vi/du-an-digital-sme/</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Gói tài trợ Digital Express: Tài trợ kinh phí cho 100% nhân viên doanh 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Đánh giá sức khỏe doanh nghiệp ○ Tư vấn, đào tạo doanh nghiệp chuyển đổi số 	Doanh nghiệp có quy mô nhân sự từ 10-100 người, hoạt động trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và

Sản phẩm phi tài chính	Tổ chức cung cấp	Nội dung	Điều kiện tham gia
nhỏ chuyển đổi số (Digital DNNVV do Ngân hàng Thế giới tài trợ)	<p>ngành đăng ký sử dụng cho 300 DN (9/2021-8/2022).</p> <ul style="list-style-type: none"> Gói tài trợ Digital Prime: Tài trợ kinh phí cho từ 20% đến 100% nhân viên doanh nghiệp đăng ký sử dụng cho 300 DN (9/2022 – 8/2023) 	<ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng giải pháp giúp số hóa vận hành và tự động hóa quản trị Đo lường hiệu quả chuyển đổi số 	<p>trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>Doanh nghiệp cam kết cung cấp chính xác thông tin, thực hiện các nội dung hướng dẫn và yêu cầu khảo sát nhằm hướng tới hiệu quả chuyển đổi số và các gói tài trợ</p>
Chương trình hỗ trợ “Bê phóng 90 ngày cùng Amazon”	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Amazon Global Selling Việt Nam - Chương trình là một phần của Gói hỗ trợ Go Digital - Go Global https://amzn.to/GoDigital</p>		<p>Doanh nghiệp sản xuất hoặc kinh doanh hàng tiêu dùng (sản phẩm hoàn thiện, được bán cho người tiêu dùng); có thị trường xuất khẩu mục tiêu là Hoa Kỳ hoặc châu Âu; có nhân sự hoặc cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự về thương mại điện tử xuyên biên giới.</p>
Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thông qua dự án Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số http://digital.business.gov.vn/event</p>	Tập huấn cho doanh nghiệp về chuyển đổi số	Doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện chuyển đổi số

4. Bài học kinh nghiệm cho DNNVV trong quá trình tiếp cận tài chính

Phần này sẽ tổng kết những bài học quan trọng cho DNNVV trong tiếp cận tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh. Các nội dung chính trong phần này sẽ xuất phát từ suy nghĩ “lầm tưởng” của DNNVV, so sánh với “thực tế” đang diễn ra, và trên cơ sở đó rút ra những “bài học” kinh nghiệm cho các doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tài chính.

TT	Lầm tưởng	Thực tế	Bài học
1	Mục đích “đi vay” chỉ là hình thức. Sau khi vay được vốn, doanh nghiệp có thể sử dụng vốn vay/tài trợ tùy ý.	Phác thảo rõ ràng mục đích vay vốn có vai trò rất quan trọng, và ảnh hưởng lớn đến khả năng thành công của việc vay vốn. Ngân hàng và các tổ chức tài chính thường giám sát chặt chẽ việc sử dụng đúng mục đích tiền vốn huy động của doanh nghiệp	<u>Phác thảo rõ ràng mục tiêu huy động vốn:</u> Việc đầu tiên và không kém phần quan trọng khi đăng ký vay vốn hay tài trợ, là doanh nghiệp phải hiểu rõ về mục đích cho khoản vay hay tài trợ đang mong muốn. Tùy nhu cầu của doanh nghiệp, tất cả mục đích vay vốn cần được liệt kê rõ ràng, chi tiết ví dụ như cần vốn để mua tài sản cố định, hay mở rộng kinh doanh, hoặc đơn giản để giải quyết vấn đề thu mua nguyên vật liệu và sản xuất hàng hóa... Theo đó doanh nghiệp cần chuẩn bị một phương án kinh doanh chi tiết kèm theo những giấy tờ liên quan, chiến lược tăng trưởng hay kế hoạch phát triển doanh nghiệp cụ thể sẽ giúp chứng minh cho ngân hàng hay tổ chức tài chính hiểu rõ mục đích vay vốn của doanh nghiệp. Hầu hết các tổ chức tài chính đều thiết kế các sản phẩm theo hướng kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguồn tiền huy động theo đúng mục đích. Điều này mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp và tổ chức tài chính trong kiểm soát rủi ro. Hơn nữa, việc sử dụng đúng mục đích nguồn tiền sẽ tạo uy tín cho doanh nghiệp đối với ngân hàng và các tổ chức tài chính.
2	Hồ sơ cung cấp cho ngân hàng chỉ gồm Báo cáo tài chính, Đăng ký kinh doanh là đủ	Coi trọng xem xét các yếu tố hồ sơ đảm bảo quá trình quản trị, vận hành, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Nhà nước	<u>Xác định loại hồ sơ cần cung cấp để chứng minh hoạt động tuân thủ quy định của Nhà nước đối với doanh nghiệp</u> Tổ chức tài chính quan tâm và thẩm định các hồ sơ theo các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Liên quan đến hoạt động quản trị: Điều lệ, Quyết định Quy định chức năng nhiệm vụ, Sơ đồ tổ chức, Nội quy ... - Liên quan đến hoạt động tài chính-kế toán:

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
			<ul style="list-style-type: none"> + Chứng từ, hóa đơn, sổ kế toán phải nợ - phải thu. + Hợp đồng, thỏa thuận ... với các đối tác: Khách hàng, nhà cung cấp ... + Tờ khai thuế GTGT theo tháng hoặc quý + Báo cáo kiểm toán <p>Thông qua việc cung cấp các hồ sơ trên, doanh nghiệp giới thiệu cho tổ chức tài chính cách thức quản trị, vận hành, quản lý của doanh nghiệp: đối với nội bộ đó là: cách thức thành viên góp vốn, ban lãnh đạo ra quyết định; cơ cấu tổ chức trong mối quan hệ tác nghiệp...</p> <p>Ngoài ra, hồ sơ tài chính được cung cấp kịp thời, đáp ứng đúng yêu cầu là yếu tố chứng minh tính minh bạch, trách nhiệm giải trình số liệu đối với các bên có liên quan, trong đó có tổ chức tài chính khi doanh nghiệp có nhu cầu tín dụng.</p> <p>Do đó, đối với các loại hồ sơ trên doanh nghiệp cần chuẩn bị một cách khoa học, lưu trữ đầy đủ, đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời khi có yêu cầu.</p>
3	Xem nhẹ yếu tố năng lực của người điều hành doanh nghiệp, quan hệ kinh doanh với các đối tác (khách hàng, nhà cung cấp ...)	Là một trong những nội dung phân tích, thẩm định doanh nghiệp được đánh giá là quan trọng với góc độ tổ chức tài chính trong quá trình thẩm định tín dụng	<p><u>Nắm vững các hoạt động điều hành của doanh nghiệp (kinh doanh, tiếp thị, bán hàng, kế hoạch, kỹ thuật, chăm sóc khách hàng, tài chính – kế toán, tổ chức nhân sự ...)</u></p> <p>Tổ chức tài chính ngoài việc phỏng vấn trực tiếp người điều hành doanh nghiệp để nắm bắt thông tin sản phẩm, dịch vụ, cách thức quản lý, vận hành thì sẽ điều tra thực địa, điều tra bên ngoài để có thông tin đầy đủ về trình độ kinh nghiệm, năng lực điều hành người đứng đầu doanh nghiệp qua từng giai đoạn, động cơ khởi nghiệp.</p> <p>Hơn nữa, đối tác trong quan hệ kinh doanh cũng được xem xét trên các khía cạnh: thời gian hoạt động, mức độ ổn định trong việc hợp tác (thời gian hợp tác, tiến độ cung cấp sản phẩm, dịch vụ, tiến độ thanh toán, tranh chấp dân sự có hay không ...</p> <p>Từ năng lực điều hành của người đứng đầu doanh nghiệp (khả năng thực hiện, khả năng quyết đoán, khả năng công nghệ về lĩnh vực sản xuất hoặc kinh</p>

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
			<p>doanh ...), tổ chức tín dụng đánh giá khả năng duy trì, phát triển doanh nghiệp.</p> <p>Với những yếu tố như trên, người điều hành doanh nghiệp cần phải hoàn thiện kỹ năng, năng lực điều hành của mình đối với doanh nghiệp, có thể không cần biết hoặc nắm quá sâu về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù của từng bộ phận nhưng hiểu được chức năng, nhiệm vụ, quy trình phối hợp, tác nghiệp giữa các bộ phận để đảm bảo quá trình điều hành doanh nghiệp tối ưu theo mục tiêu đặt ra.</p>
4	Lịch sử tín dụng không quá quan trọng. Doanh nghiệp có thể tiếp cận nhiều ngân hàng hay tổ chức tài chính khác nhau để “che dấu” lịch sử tín dụng không tốt	Ngân hàng và các tổ chức tài chính rất coi trọng yếu tố lịch sử tín dụng. Họ có thể kiểm tra lịch sử tín dụng của doanh nghiệp từ Trung Tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC).	<p><u>Xây dựng lịch sử tín dụng tốt:</u></p> <p>Một trong những điều đầu tiên mà các ngân hàng hay các tổ chức tài chính xem xét là uy tín của người đi vay và người bảo lãnh hoặc theo dõi lịch sử thanh toán các khoản nợ. Tại Việt Nam, các ngân hàng sẽ tham khảo báo cáo tín dụng từ trung tâm thông tin tín dụng quốc gia để kiểm tra thông tin này. Chỉ Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mới được phép thu thập thông tin tín dụng về cá nhân và doanh nghiệp. Một báo cáo thông tin tín dụng thường bao gồm các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các giao dịch tín dụng của doanh nghiệp; - Tình hình trả nợ trong vòng 12 tháng gần nhất; - Thông tin mặc định hoặc có thể kiểm tra thời gian thông tin được tải lên CIC.
5	Chứng minh khả năng tài chính, khả năng trả nợ của doanh nghiệp chủ yếu qua “doanh thu” và “lợi nhuận”.	Doanh thu và lợi nhuận là yếu tố cần xem xét. Tuy nhiên, “dòng tiền” mới là yếu tố quan trọng nhất mà ngân hàng và các tổ chức tài chính xem xét khả năng trả nợ của doanh nghiệp.	<p><u>Chứng minh khả năng trả nợ của doanh nghiệp qua kế hoạch dòng tiền rõ ràng và khả thi:</u></p> <p>Dòng tiền và lợi nhuận không giống nhau. Về lâu dài, khi doanh nghiệp đã tạo ra lợi nhuận, lợi nhuận và dòng tiền sẽ tạo nên dòng tiền vào, nhưng sự khác biệt quan trọng là thời gian. Thời gian có thể rất quan trọng cho một DNNVV. Ví dụ: khi doanh nghiệp bán hàng và cho phép khách hàng trả chậm 30 ngày, doanh nghiệp ngay lập tức được ghi nhận doanh thu cho đơn hàng. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa nhận được tiền. Doanh nghiệp chỉ có tiền khi khách hàng trả tiền...Như vậy, có thể thấy doanh</p>

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
			<p>thu không đồng nhất với dòng tiền vào. Tương tự, khi doanh nghiệp nhập hàng để bán, doanh nghiệp trả tiền hàng, tuy nhiên dòng tiền ra này không được xem là chi phí cho đến khi doanh nghiệp bán hàng. Một trường hợp khá phổ biến ở các DN NVV là doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, nhưng lợi nhuận lại vượt xa số tiền mặt thực tế nhận được. Loại tình huống này làm cho các DN NVV dễ bị cạn kiệt tiền mặt và có thể dẫn đến phá sản.</p> <p>Khi xét duyệt hồ sơ vay, ngân hàng và các tổ chức tài chính luôn yêu cầu thông tin về dòng tiền để hỗ trợ cho các khoản chi phí và cam kết trả nợ của doanh nghiệp. Dòng tiền thu vào càng mạnh càng chứng minh doanh nghiệp có đủ khả năng chi trả đúng hạn và có khả năng quản lý các chi phí phát sinh ngoài dự kiến. Điều này sẽ giúp xây dựng lòng tin của người phê duyệt khoản vay dành cho doanh nghiệp.</p> <p>Chứng minh khả năng trả nợ, ngân hàng cũng sẽ xem xét những nguồn tài sản hiện hữu để xác định xem doanh nghiệp có đủ khả năng trả nợ cho khoản vay được yêu cầu hay không. Các ngân hàng sẽ xác định tình hình tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy, hãy luôn chuẩn bị sẵn báo cáo tài chính kịp thời để giúp doanh nghiệp tránh tình trạng vội vàng vào phút cuối khi cần chuẩn bị tài liệu cho đơn xin vay vốn của mình.</p>
6	Coi trọng và mong muốn nhiều từ hình thức vay “tín chấp” và cho rằng đây là hình thức ít rủi ro cho doanh nghiệp.	<p>Vay tín chấp giúp doanh nghiệp giải quyết ở mức độ nhất định nhu cầu tài chính. Tuy nhiên, cũng cần biết cách tận dụng và khai thác các lợi ích của vay thế chấp. Khi vay thế chấp, doanh nghiệp sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn hẳn, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hạn mức vay có thể lớn đáp ứng 	<p><u>Biết cách tận dụng tài sản thế chấp khi được yêu cầu và nhìn bài toán “vay vốn” một cách tổng thể để tiết kiệm chi phí tài chính:</u></p> <p>Nguồn tài sản thế chấp sẽ giúp chứng minh cho ngân hàng thấy rằng doanh nghiệp có thể đảm bảo cho việc chi trả các khoản vay khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra. Các nguồn tài sản thế chấp thông dụng bao gồm bất động sản hay trang thiết bị. Ngoài ra, các hàng hóa đang lưu kho hay hóa đơn thương mại chưa thanh toán cũng có thể dùng làm tài sản thế chấp.</p> <p>Các sản phẩm vay thế chấp thuộc loại này bao gồm vay mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển thương mại hoặc vay đầu tư tài sản cố định. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng yêu cầu tài sản thế chấp</p>

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
		<p>nhu cầu kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm gánh nặng trả nợ: Lãi suất giảm dần, thời gian vay dài có thể lên đến 15 năm. Nhờ đó, DN có nhiều thời gian để xoay sở, cân đối tài chính và trả nợ. Hình thức trả nợ linh hoạt: Trả lãi hàng tháng, hàng quý, hàng năm; tiền gốc trả dần hoặc trả một lần. 	<p>sẽ thay đổi tùy thuộc từng loại sản phẩm vay mà doanh nghiệp đăng ký.</p> <p>Khi doanh nghiệp biết khai thác các lợi ích của vay thế chấp và tính toán bài toán “tổng thể”, lợi ích tài chính của doanh nghiệp sẽ được bảo đảm. Như ví dụ của một Giám đốc doanh nghiệp dưới đây: “Tôi đã sử dụng dịch vụ vay thế chấp của ngân hàng giúp tôi quản lý hiệu quả dòng tiền của công ty và tiết kiệm được khoản tiền thuê văn phòng, tận dụng nguồn tài sản sẵn có để thế chấp vay xây dựng và phát triển văn phòng hiện tại, trước khi quyết định vay vốn tôi cũng đã tìm hiểu kỹ thông tin, tính toán dự trù lãi suất hàng tháng và so sánh với việc phải trả tiền thuê văn phòng hàng tháng (cao hơn nhiều so với tiền lãi). Như vậy, doanh nghiệp đã có lợi về tài chính theo cách làm này. Ngân hàng cũng rất ủng hộ và tạo điều kiện hết sức cho doanh nghiệp. Quan hệ hai bên ngày càng tốt hơn như đối tác của nhau”.</p>
7	Ngân hàng hay các tổ chức tài chính đã thông báo rõ ràng lãi suất và việc phải trả các chi phí tài chính sẽ không có sự khác biệt nhiều giữa các phương án vay vốn của doanh nghiệp.	Ngân hàng thường có nhiều cách tính lãi suất khác nhau và có ảnh hưởng đáng kể đến chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Ngoài lãi suất, doanh nghiệp cũng có thể phải trả một số các chi phí phát sinh khác (như chi phí trả nợ trước hạn...)	<p><u>Hiểu rõ về các cách tính lãi suất ngân hàng cũng như các khoản chi phí phải trả khi vay để có phương án vay tối ưu nhất cho doanh nghiệp:</u></p> <p>Ngân hàng có thể công bố mức lãi suất ban đầu hấp dẫn (chỉ 7-8% một năm), kèm theo biên độ thả nổi (ví dụ: dao động 3-3,5%). Hãy để ý và làm rõ các con số này để tính toán phương án tối ưu khi vay của doanh nghiệp. Ngân hàng thường có các cách tính lãi suất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lãi suất cố định là loại lãi suất vay không đổi trong suốt thời hạn vay. Nghĩa là mỗi tháng người đi vay cần trả số tiền lãi như nhau; Lãi suất thả nổi là loại lãi suất thay đổi tùy theo quy định và chính sách của các ngân hàng tùy vào từng thời kỳ. Thông thường, các ngân hàng sẽ điều chỉnh lãi suất vay theo định kỳ 3 tháng hoặc 6 tháng một lần. Trong đó, lãi suất thả nổi sẽ là tổng của (lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất). Lãi suất cơ sở thường là lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, 13 tháng, 24 tháng lĩnh lãi cuối kỳ. Biên độ lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn và được ghi rõ trong hợp đồng vay. Đôi khi biên độ lãi suất thay đổi

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
			<p>theo biến động thị trường. Như vậy, so với lãi suất cố định, lãi suất thả nổi có nhiều biến động hơn, có thể giảm hoặc tăng theo lãi suất thị trường và chính sách của ngân hàng thời điểm đó. Nếu áp dụng lãi suất thả nổi này, khoản vay có thể gặp nhiều rủi ro.</p> <ul style="list-style-type: none"> Lãi suất hỗn hợp là loại lãi suất vay bao gồm cả lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được áp dụng trong một khoảng thời gian đã thỏa thuận. Thông thường, các ngân hàng thường áp dụng lãi suất cố định trong 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 18 tháng hoặc 24 tháng tùy gói vay. Sau đó, lãi suất thả nổi sẽ được áp dụng. Công thức tính lãi suất hỗn hợp sẽ được tính theo công thức tính lãi suất cố định hay lãi suất thả nổi tùy thuộc vào từng thời điểm áp dụng. <p>Ngoài ra, ngân hàng có hai hình thức tính lãi là tính theo dư nợ giảm dần (chỉ tính trên số tiền thực tế bạn còn nợ, sau khi đã trừ ra phần tiền gốc bạn đã trả trong các kì trước đó) và tính theo dư nợ ban đầu (lãi suất trên dư nợ gốc là lãi sẽ được tính trên số tiền bạn vay ban đầu trong suốt thời hạn vay).</p>
8	Các thủ tục vay vốn thường rườm rà, phức tạp	Ngân hàng và các tổ chức tài chính thường có các qui trình và hướng dẫn rõ ràng. Bên cạnh đó, luôn có sự hỗ trợ chuyên nghiệp của cán bộ ngân hàng, của tổ chức tài chính cho doanh nghiệp.	<p><u>Biết cách tận dụng sự hỗ trợ chuyên nghiệp về thủ tục của cán bộ ngân hàng, hay tổ chức tài chính; và xây dựng mối quan hệ đối tác lâu dài với tổ chức tài chính:</u></p> <p>Thực tế, thủ tục vay vốn ngân hàng hay các tổ chức tài chính không hề phức tạp. Nếu tìm đến các ngân hàng uy tín, có đội ngũ nhân viên hỗ trợ chuyên nghiệp và nhiệt tình, doanh nghiệp sẽ nhận thấy các điều khoản vay vốn ngân hàng khá rõ ràng và sòng phẳng. Thực tế cho thấy doanh nghiệp không nên đi vay từ quá nhiều nguồn để có thể kiểm soát được các khoản vay.</p> <p>Đồng thời, cần xây dựng mối quan hệ tốt, quan hệ đối tác lâu dài với ngân hàng, với tổ chức tài chính (số ít các tổ chức này) để có thể được hưởng các ưu đãi về lãi suất, ân hạn, đàm phán các điều kiện vay vốn khi kinh tế khó khăn... Doanh nghiệp cũng có thể tận dụng các hỗ trợ, tư vấn khác (phi tài chính) từ ngân hàng. Về bản chất, các ngân hàng</p>

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học
			cũng không muốn doanh nghiệp không trả được nợ, vì vậy, họ có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính, phí tài chính giúp doanh nghiệp quản trị rủi ro trực tiếp trên khoản vay.
9	Các gói ưu đãi tài chính thường từ Nhà nước hay các nhà tài trợ, các dự án nước ngoài	Nhà nước, các nhà tài trợ đúng là thường cung cấp các gói hỗ trợ. Tuy nhiên, việc triển khai các gói ưu đãi này thường sẽ triển khai qua hệ thống ngân hàng. Hơn nữa, bản thân các ngân hàng cũng có những chính sách ưu tiên riêng cho nhóm đối tượng khách hàng theo mục tiêu chiến lược phát triển của tổ chức. DNNVV thường là đối tượng được ưu tiên của các ngân hàng hiện nay.	<p><u>Sáng suốt lựa chọn các gói ưu đãi khi tiếp cận tài chính:</u></p> <p>Có rất nhiều các gói ưu đãi khác nhau cho DNNVV (như đã nêu rõ trong Sổ tay này):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ưu đãi theo ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; • Ưu đãi khi doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị hay kết nối kinh doanh giữa các vùng kinh tế; • Ưu đãi về các dự án đổi mới sáng tạo; • Ưu đãi về các sáng kiến chuyển đổi số; • Ưu đãi cho các dự án mang lại tác động hữu ích về môi trường, xã hội...; • Ưu đãi cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ... • ... <p>Do vậy, khi tiếp cận tài chính, các DNNVV nên tìm hiểu kỹ thông tin và sáng suốt lựa chọn các gói ưu đãi phù hợp nhất với điều kiện của doanh nghiệp mình. Các gói ưu đãi thường có tính “cạnh tranh” nên doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các tiêu chí và bảo đảm doanh nghiệp đáp ứng được các tiêu chí đặt ra.</p>
10	Các báo cáo tài chính của các DNNVV thường không đồng nhất, không được kiểm toán và độ tin cậy không cao. Điều này khiến việc thu thập thông tin về các DNNVV rất	Xu hướng “chuyển đổi số” trong các DNNVV đang diễn ra nhanh chóng, cho phép các doanh nghiệp sử dụng các công cụ kế toán trực tuyến để tối ưu quy trình chuẩn bị báo cáo tài chính. Điều này làm cho các báo cáo tài chính ngày càng được chuẩn hóa, mức độ công khai, minh	<p><u>Tận dụng lợi ích của công nghệ 4.0 và chuyển đổi số để chuẩn hóa và minh bạch hóa các báo cáo tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận tài chính của DNNVV:</u></p> <p>Xu hướng áp dụng công nghệ số đang ngày càng phổ biến từ cả phía doanh nghiệp và từ các tổ chức tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyển đổi số quá trình sản xuất kinh doanh của DNNVV cho phép các doanh nghiệp này sử dụng các công cụ kế toán trực tuyến để tối ưu quy trình báo cáo tài chính, chuẩn hóa hơn, minh bạch hơn; • Các tổ chức tài chính và ngân hàng cũng ngày càng áp dụng nhiều sản phẩm tài chính theo hướng công nghệ số (tài chính công nghệ - FinTech), đồng thời các dịch vụ hỗ trợ phi tài

TT	Làm tương	Thực tế	Bài học																												
	khó khăn và tốn kém.	bạch ngày càng cao hơn.	chính trên nền tảng số (SME portal, platform...). Điều này có nghĩa, các DNNVV nên nhanh chóng tận dụng cơ hội này để tăng cường khả năng tiếp cận tài chính một cách sáng tạo và đột phá hơn.																												
11	Doanh nghiệp càng có tỷ lệ vốn của chủ sở hữu cao, tỷ lệ vốn đi vay ít càng tốt	Cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp. Sử dụng nhiều vốn đi vay có thể làm tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp.	<u>Xác định cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp, trong đó tăng cường sử dụng nguồn vốn đi vay để tăng khả năng sinh lời cho DNNVV:</u> Lấy một ví dụ đơn giản: Doanh nghiệp A có tổng tài sản là 2 tỷ đồng, doanh nghiệp tài trợ hoàn toàn bằng vốn chủ sở hữu, không sử dụng vốn vay. Doanh nghiệp có kết quả hoạt động kinh doanh như sau: <table><tr><td>Doanh thu</td><td>1.000.000.000</td></tr><tr><td>Chi phí</td><td>600.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>400.000.000</td></tr><tr><td>Thuế TNDN (20%)</td><td>80.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>320.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)</td><td>16%</td></tr></table> Nếu doanh nghiệp này tài trợ 50% vốn chủ sở hữu (1 tỷ đồng) và đi vay 1 tỷ đồng với lãi suất 10%/năm, kết quả hoạt động kinh doanh sẽ như sau (các hoạt động khác của DN không đổi): <table><tr><td>Doanh thu</td><td>1.000.000.000</td></tr><tr><td>Chi phí</td><td>600.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước lãi và thuế</td><td>400.000.000</td></tr><tr><td>Lãi vay (10%)</td><td>100.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>300.000.000</td></tr><tr><td>Thuế TNDN (20%)</td><td>60.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td>240.000.000</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)</td><td>24%</td></tr></table> Như vậy, DN bỏ ra 1 tỷ vốn chủ sở hữu và thu về được 240tr, tỷ suất là 24%. Nếu không sử dụng nợ, doanh nghiệp phải bỏ ra 2 tỷ và chỉ thu về 320tr, tỷ suất chỉ là 16%.	Doanh thu	1.000.000.000	Chi phí	600.000.000	Lợi nhuận trước thuế	400.000.000	Thuế TNDN (20%)	80.000.000	Lợi nhuận sau thuế	320.000.000	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	16%	Doanh thu	1.000.000.000	Chi phí	600.000.000	Lợi nhuận trước lãi và thuế	400.000.000	Lãi vay (10%)	100.000.000	Lợi nhuận trước thuế	300.000.000	Thuế TNDN (20%)	60.000.000	Lợi nhuận sau thuế	240.000.000	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	24%
Doanh thu	1.000.000.000																														
Chi phí	600.000.000																														
Lợi nhuận trước thuế	400.000.000																														
Thuế TNDN (20%)	80.000.000																														
Lợi nhuận sau thuế	320.000.000																														
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	16%																														
Doanh thu	1.000.000.000																														
Chi phí	600.000.000																														
Lợi nhuận trước lãi và thuế	400.000.000																														
Lãi vay (10%)	100.000.000																														
Lợi nhuận trước thuế	300.000.000																														
Thuế TNDN (20%)	60.000.000																														
Lợi nhuận sau thuế	240.000.000																														
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	24%																														

PHẦN 3 – PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Phân loại DNVV và tiêu chí xác định theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

TT	Loại hình	Quy mô	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng	Lĩnh vực thương mại và dịch vụ	Ghi chú
1	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân	Không quá 10 người	Không quá 10 người	Không quá 10 người	Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP
		Hoặc Doanh thu năm	Không quá 3 tỷ đồng	Không quá 3 tỷ đồng	Không quá 10 tỷ đồng	
		Hoặc Tổng nguồn vốn năm	Không quá 3 tỷ đồng	Không quá 3 tỷ đồng	Không quá 3 tỷ đồng	
2	Doanh nghiệp nhỏ	Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân	Không quá 100 người	Không quá 100 người	Không quá 50 người	
		Hoặc Doanh thu năm	Không quá 50 tỷ đồng	Không quá 50 tỷ đồng	Không quá 100 tỷ đồng	
		Hoặc Tổng nguồn vốn năm	Không quá 20 tỷ đồng	Không quá 20 tỷ đồng	Không quá 50 tỷ đồng	
3	Doanh nghiệp vừa	Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân	Không quá 200 người	Không quá 200 người	Không quá 100 người	
		Hoặc Doanh thu năm	Không quá 200 tỷ đồng	Không quá 200 tỷ đồng	Không quá 300 tỷ đồng	
		Hoặc Tổng nguồn vốn năm	Không quá 20 tỷ đồng	Không quá 20 tỷ đồng	Không quá 100 tỷ đồng	

Phụ lục 2 – Danh sách tổ chức tài chính

1. Danh sách ngân hàng thương mại

TT	Tên ngân hàng	Địa chỉ	Website	Điện thoại - Hotline
<i>Ngân hàng thương mại Nhà nước</i>				
1	Ngân Hàng Thương Mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)	Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, HN	https://www.gpbank.com.vn	02437 345 345
2	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank)	199 Nguyễn Lương Bằng, Hải Dương	https://www.oceanbank.vn	024 3772 6789
3	Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam (CBBank)	145-147-149 Hùng Vương, Phường 2, TP Tân An, Tỉnh Long An	https://www.cbbank.vn	272 3524 639
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Số 02 Láng Hạ, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội	https://www.agribank.com.vn	1900558818/ 02432053205
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần</i>				
1	Ngân hàng TMCP An Bình - ABB	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM	https://www.abbank.vn	18001159
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.vietinbank.vn	024 3941 8868
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	BIDV Tower, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.bidv.com.vn	1900 9247
4	Ngân hàng TMCP Bắc Á (BacA Bank)	117 Quang Trung, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	https://www.baca-bank.vn	1800588828

TT	Tên ngân hàng	Địa chỉ	Website	Điện thoại - Hotline
5	Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Baoviet Bank)	Tầng 1 và tầng 5, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.baovietbank.vn	1900558848
6	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank - MSB)	54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, HN	https://www.msb.com.vn	024 39445566
7	Ngân hàng TMCP Phương Đông	45 Lê Duẩn, Quận 1, HCM	https://www.ocb.com.vn	028 73056678
8	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (SGB)	2C Phó Đức Chính, Q.1, HCM	https://www.saigonbank.com.vn	028 39143183
9	Ngân hàng TMCP Việt Á	34A-34B P. Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội	https://vietabank.com.vn	02836 222 590
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)	89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	https://www.vpbank.com.vn	1900545415
11	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank)	Tầng 16, 23, 24 Tòa MIPEC tower, 229 Sơn Tây, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	https://www.pgbank.com.vn/	1900555574
12	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	Tầng 8 - Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM.	https://eximbank.com.vn	1800 1199
13	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank)	25BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	https://hdbank.com.vn	19006060
14	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://portal.vietcombank.com.vn	1900 54 54 13
15	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	443 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 2, HCM	https://acb.com.vn	028 38 247 247
16	Ngân hàng TMCP Bản Việt	HM TOWN, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. HCM	https://www.vietcapitalbank.com.vn	1900 555 596
17	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPB)	Capital Tower, 109, Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://lienvietpostbank.com.vn/	024 6266 8668

TT	Tên ngân hàng	Địa chỉ	Website	Điện thoại - Hotline
18	Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB)	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	https://www.dongabank.com.vn	028 39951483
19	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Seabank	25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.seabank.com.vn	04.3944 86886
20	Ngân hàng TMCP Kiên Long (KLB)	16-18 Phạm Hồng Thái, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	https://kienlongbank.com/	028 3933 3393
21	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcom Bank)	191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội	https://www.techcombank.com.vn	1800 588 822
22	Ngân hàng TMCP Nam Á	201-203 Cách mạng T8, Phường 4, Q.3 TP. HCM	https://www.namabank.com.vn	028 3929 6699
23	Ngân Hàng TMCP Quân Đội (MB Bank)	21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	https://www.mbbank.com.vn	1900 545426
24	Ngân hàng TMCP quốc tế (VIB)	Tầng 1,6,7 Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.vib.com.vn/vn	1800 8180
25	Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)	28C-28D Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.ncb-bank.vn	028 38216 216 - 1800 6166
26	Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	927 Trần Hưng Đạo, Q.5, TP. HCM	https://www.scb.com.vn	028 2222 8686
27	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://www.shb.com.vn	02439423388
28	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM	https://www.sacombank.com.vn	028 39 320 420
29	Ngân hàng TMCP Tiên phong (TpBank)	57 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://tpb.vn	1900 58 58 85
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank)	47 Trần Hưng Đạo, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	https://www.vietbank.com.vn	18001122

TT	Tên ngân hàng	Địa chỉ	Website	Điện thoại - Hotline
31	Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	Tầng 1, 10, 11, Tòa Tungshing Square, Số 2 Ngô Quyền, Lý Thái Tổ Hoàn Kiếm, Hà Nội	https://pvcombank.com.vn	1900 5555 92

2. Danh sách công ty tài chính

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Tầng 14, 15,16, Tháp B, tòa EVN, Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình, Hà Nội	 EVNFINANCE CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC	https://www.evnfc.vn/	0242222.9999
2	Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy	120 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	 SBIC Finance SHIPBUILDING INDUSTRIES	https://sbicfinance.vn/	024 38 288 439
3	Công ty tài chính TNHH MTV Toyota Việt Nam	Phòng 4-5, tầng 12, Sài Gòn Centre Tòa 2, số 67 đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	 TOYOTA FINANCIAL SERVICES	https://www.tfsvn.com.vn/	(028) 7309 0998

3. Danh sách công ty cho thuê tài chính

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Á Châu	Số 131 Châu Văn Liêm, P14, Q.5 HCM	 ACBL	https://acbleasing.com.vn/	028 3535 0066


TT	Tên công ty	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
2	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	Tầng 20, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, HBT, Hà Nội		https://bslease.com.vn/	024 3928 4666
3	Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	Phòng 2801 -04, tầng 28, Sai Gon Trade Centre, 37 Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, HCM		https://www.chailease.com.vn/	028 7301 6010
4	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam	Số 16 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội		https://lc.vietinbank.vn/	024 3823 3045/ 024 3733 1985
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim	Tầng 9, Diamond Plaza, Số 34 Lê Duẩn, Q.1, HCM		https://keximvlc.com.vn	028 3825 7000
6	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Số 230 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, HCM		https://sacombankleasing.com	028 3932 6889
7	TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	25T1, Tòa N05, Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN		https://www.vcbl.com.vn/	024 39289289
8	Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	Phòng 902, Centre Tower, Số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, HCM		https://www.vinaleasing.com/gioi-thieu.html	028 38232788
9	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy	Tầng 2, số 120 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội		https://sbicfinance.vn	024 38 288 439


4. Danh sách ngân hàng chính sách

TT	Tên ngân hàng	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	Số 169, Phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.		https://vbsp.org.vn/	024-36417184
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Số 25A Cát Linh, Hà Nội		https://srv.vdb.gov.vn/	024-3736 5659

5. Danh sách các công ty công nghệ tài chính

Hiện nay trên thị trường tài chính có rất nhiều công ty công nghệ tài chính, tuy nhiên, trong phạm vi sổ tay này chỉ nêu một số công ty đang được nhiều doanh nghiệp sử dụng dịch vụ. Việc sử dụng dịch vụ của công ty công nghệ tài chính nào thì doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ về yêu cầu, trách nhiệm và điều khoản có liên quan.

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Validus	Tầng 1, Tòa Nhà Etown Central, 11 Đoàn Văn Bơ, P.13, Quận 4, TP. HCM		https://validus.vn/	094 506 28 77
2	Công ty Cổ phần Kết nối Tài chính Việt Nam (VFL JSC.,.)	Tầng 25, Bamboo Airways Tower, số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội		http://vnvn.com/	1800 0052
3	Công ty Cổ phần Lendbiz	Căn TT5-1B-25, Khu đô thị mới Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội.		https://lendbiz.vn/	02432011856

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
4	Dragon Lend	Tòa Nhà TNR, 180 - 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM		https://dragonlend.vn/	0901 898 511







6. Danh sách các quỹ hỗ trợ của chính phủ

TT	Tên quỹ hỗ trợ	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)	Phòng 301, Nhà F, Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, TP Hà Nội		http://phattriendnnvv.mpi.gov.vn/	024 37957855 - 024 37957897 - 086 7970880

7. Danh sách các tổ chức tài chính vi mô

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7	Tầng 2 Lô A9/D5 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	 Hợp tác & Phát triển	http://www.m7mfi.vn/	024-73036688
2	Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV Tình thương	Số 20 Thụy Khuê, phường Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội		https://tymfund.org.vn/	024- 37281003

8. Danh sách các quỹ đầu tư mạo hiểm

TT	Tên quỹ đầu tư mạo hiểm	Địa chỉ	Logo	Webiste	Liên hệ
1	CyberAgent Ventures (CAV)	Phòng số 01, Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, Đại học Bách Khoa TP.HCM, 268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TP.HCM		https://cyberagentcapital.com/en/	startups_cav@cyberagent.co.jp
2	DFJ VinaCapital	Tầng 6, 17 Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội		https://dfjv.vinacapital.com/	ĐT: (+84) 4 936 4630 Fax: (+84) 4 936 4629
3	Kusto Việt Nam	P.1103, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM		https://kusto.com.vn/gioi-thieu/	contact@kusto.com.vn
4	FPT Ventures	Tòa nhà FPT, Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội		http://fptventures.com/	fptventures@fpt.com.vn
5	Monk's Hill Ventures	Tầng 7, Tòa nhà Alpha, 15 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP.HCM		https://monkshill.com	info@monkshill.com
6	Mekong Capital	Tầng 31, Tòa nhà Lotte Hà Nội, 54 Liễu Giai, Q. Ba Đình, Hà Nội		www.mekongcapital.com	info@mekongcapital.com

TT	Tên quỹ đầu tư mạo hiểm	Địa chỉ	Logo	Webiste	Liên hệ
7	IDG Ventures	125-127 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	IDG Ventures Vietnam	www.idgvv.com.vn	Phone: (84-4) 2220-0348 Fax: (84-4) 2220-0349 Business Plan Submission: bizplan@idgvv.com.vn

9. Danh sách quỹ bảo lãnh tín dụng và đầu tư phát triển địa phương

TT	Tên quỹ	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
1	Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV tỉnh Hòa Bình	Đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hòa Bình, Hòa Bình		-	
2	Quỹ Đầu tư phát triển Bình Dương	Số 26, Đường Lê Duẩn, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương		www.bdif.vn/quy-bao-lanh-tin-dung	0274 380 3399
3	Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng Vĩnh Phúc	Phố Đào Duy Anh, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc		www.quydautuvabaolanh.vinhphuc.gov.vn/	(0211 3) 722 881
4	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	Số 40, đường Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang		www.tigidif.vn/quy-bao-lanh-tin-dung	273.3883375
5	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh	Số 6, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh		www.qdtpt.bacninh.gov.vn/news/-/details/7458157/bao-lanh-tin-dung	0241.3895.118

TT	Tên quỹ	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
6	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Giang	103 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, Tp Hà Giang, tỉnh Hà Giang		www.qdt.hagiang.gov.vn/quy-bao-lanh-tin-dung/	(02193) 867 129
7	Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Cần Thơ	54 Phan Đình Phùng, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ		www.ccgf.gov.vn	02923.761.616
8	Quỹ Bảo lãnh tín dụng tỉnh An Giang (thuộc Sở Tài chính An Giang)	số 5/10 đường Lê Quý Đôn, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, An Giang			2963.852362
9	Quỹ Bảo lãnh tín dụng Thành phố Hồ Chí Minh	Số 7 Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3, TP		www.hcgf.com.vn	028. 3.82.025.75
10	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu	51-53 Phan Ngọc Hiển, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu		www.bldif.com.vn	02913 820022
11	Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Bình Thuận	13 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận			062.827898
12	Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai	211 - 213 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai		www.dndif.com.vn	0251.3824021
13	Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa	5 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá			

TT	Tên quỹ	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
14	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	Số 06 Phan Bội Châu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.		www.tthdif.vn	0234.382.5522
15	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	Số 02 ngõ Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội		www.quydautuphattrien.hanoi.gov.vn	0243 9335469
16	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên	Số 17, đường Lương Thế Vinh, tổ 18 phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.		www.qdtp.tainguyen.gov.vn	0208 3656399
17	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng	Số 18 Yên Bái, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng		www.ddif.com.vn	0236.3.888.769
18	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Lâm Đồng	20 Pasteur - Phường 4 - Tp Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng		www.ldif.vn	02633.532779
19	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang	Số 01 đường Trần Quốc Toản, phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang		www.bgdif.com.vn	0204 3 554 507
20	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp	số 12-14, đường Hùng Vương, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		https://dongthap.gov.vn/vi/web/qdtp/linh-vuc-hoat-dong	0273.871.313
21	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đắk Lắk	13 Quang Trung, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk		www.dldif.vn	0262.6515.333

TT	Tên quỹ	Địa chỉ	Logo	Webiste	Điện thoại - Hotline
22	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	38 Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		www.bvdif.vn	0254 385 7071
23	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định	181 Lê Hồng Phong, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, Bình Định		www.bddif.gov.vn	0256.6253108
24	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận	Đường 16/4, Phan Rang Tháp Chàm		www.ndif.com.vn	0987.36.81.82
25	Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Yên Bái	Tầng 4, Sở Tài chính, Thành phố Yên Bái, Yên Bái			
26	Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Yên	48 Lê Duẩn, Phường 7, TP Tuy Hoà, Phú Yên			
27	Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh	Số 374, đường Bạch Đằng, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh			
28	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Khánh Hòa	18 Ngô Gia Tự, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa		www.kdif.vn	(0258) 3515555

Phụ lục 3 – Mô tả điều kiện cơ bản chung của các Tổ chức tài chính

1. Hồ sơ pháp lý

- Giấy phép thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Điều lệ công ty;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc và kế toán trưởng (nếu có);
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Sổ hộ khẩu của người đại diện công ty đứng ra vay vốn (bản chụp);
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

2. Hồ sơ tài chính

Hồ sơ tài chính có thể bao gồm nhưng không giới hạn danh mục như dưới đây:

- Báo cáo tài chính (thời gian của báo cáo tài chính tùy thuộc theo quy định của từng tổ chức, thông thường ít nhất 2 năm gần nhất);
- Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo tháng hoặc quý;
- Bản chi tiết một số khoản mục năm tài chính gần nhất (phải có dư đầu kỳ, cuối kỳ và phát sinh nợ trong kỳ);
- Tài liệu thể hiện số liệu về Phải thu Khách hàng; Phải trả Khách hàng; Hàng tồn kho; Tài sản cố định;
- Chi tiết các khoản mục sau theo ngắn hạn/dài hạn của năm tài chính gần nhất: Tài sản; Vay và nợ; Đầu tư tài chính;
- Sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty, của cá nhân là Đại diện Doanh nghiệp;
- Hợp đồng mua hàng, bán hàng...;
- Hợp đồng sử dụng lao động (nếu có);

3. Phương án sản xuất, kinh doanh

Phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả đảm bảo khả năng trả nợ ngân hàng; Kế hoạch trả nợ ngân hàng

4. Hồ sơ bảo đảm tiền vay

Danh mục bảo đảm tài sản tiền vay nhưng không giới hạn danh mục như dưới đây:

- Bất động sản (Giấy chứng nhận sở hữu nhà, đất; Ôtô, Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, hàng hoá);
- Hoá đơn, hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ có giá: giấy chứng nhận góp vốn, cổ phiếu, trái phiếu ...;
- Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba.
- ...

5. Quan hệ giao dịch - Lịch sử tín dụng

Doanh nghiệp có quan hệ giao dịch hoặc lịch sử tín dụng tại tổ chức tín dụng.

6. Không có Nợ quá hạn

Doanh nghiệp không có nợ quá hạn trong khoảng thời gian quy định theo mức độ yêu cầu của tổ chức tài chính quy định.

7. Đáp ứng yêu cầu xếp hạng tín dụng

Doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí xếp hạng/chấm điểm tín dụng của ngân hàng, công ty cho thuê tài chính, v.v.

Ví dụ: Điều kiện đối với doanh nghiệp khi tiếp cận của ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động:

Tên sản phẩm tài chính: Vay thế chấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

TT	Nội dung	Chi tiết
1	Hồ sơ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy phép thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; • Điều lệ công ty; • Quyết định bổ nhiệm giám đốc và kế toán trưởng (nếu có); • Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Sổ hộ khẩu của người đại diện công ty đứng ra vay vốn (bản chụp); • Giấy chứng nhận đăng ký thuế
2	Hồ sơ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan thuế hoặc • Báo cáo kiểm toán • Sao kê tài khoản ngân hàng 6 tháng gần nhất
3	Phương án Sản xuất kinh doanh	Phương án kinh doanh theo mẫu của tổ chức tín dụng

TT	Nội dung	Chi tiết
4	Bảo đảm tiền vay	<p>Hồ sơ về tài sản bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bất động sản (Giấy chứng nhận sở hữu nhà, đất; Ôtô, Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, hàng hoá) hoặc • Hoá đơn, hợp đồng mua bán hoặc • Các chứng từ có giá: giấy chứng nhận góp vốn, cổ phiếu, trái phiếu ... hoặc • Sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá hoặc • Bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba
5	Quan hệ giao dịch – Lịch sử tín dụng	Không yêu cầu
6	Không nợ quá hạn	Được đánh giá sau khi thẩm định của Tổ chức tín dụng
7	Đáp ứng yêu cầu xếp hạng tín dụng	Được đánh giá sau khi thẩm định của Tổ chức tín dụng
8	Yêu cầu bổ sung khác	Cam kết cá nhân của cổ đông góp vốn từ 25% trở lên

Phụ lục 4 - Mô tả chi tiết các sản phẩm tài chính tiêu biểu

1. Cho vay ngắn hạn/tài trợ vốn lưu động

❖ Giới thiệu:

Là dịch vụ dành cho doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn ngắn hạn/vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Mô tả sản phẩm

- Mục đích cho vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thời hạn cho vay: tối đa 12 tháng
- Hình thức: cho vay theo món/theo hạn mức
- Hạn mức cho vay: Thường 5 tỷ (hạn mức cụ thể sẽ phụ thuộc vào tài sản đảm bảo, lịch sử tín dụng và thỏa thuận giữa tổ chức tài chính và doanh nghiệp)
- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương thức trả lãi và nợ gốc: hàng tháng/hàng quý theo thỏa thuận giữa tổ chức tài chính và doanh nghiệp, phù hợp với nguồn trả nợ của doanh nghiệp.
- Tỷ lệ tài sản đảm bảo: Thông thường 70% (tỷ lệ cụ thể phụ thuộc vào tình hình tài chính của doanh nghiệp, lịch sử tín dụng, và thỏa thuận giữa tổ chức tài chính và doanh nghiệp).

❖ Hồ sơ thủ tục

Theo quy định cụ thể của từng tổ chức và trong từng thời kỳ cụ thể. Danh mục hồ sơ tham khảo dưới đây gồm đầy đủ các hồ sơ liên quan cho doanh nghiệp lần đầu vay của tổ chức tài chính. Tổ chức tài chính sẽ có danh mục hồ sơ riêng theo yêu cầu quản lý của họ.

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Bản chính	Bản công chứng	Bản sao y	Ghi chú
A	HỒ SƠ PHÁP LÝ					
1	Đăng ký kinh doanh	01		<input checked="" type="checkbox"/>		
2	Điều lệ Doanh nghiệp	01		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bản chính hoặc Công chứng

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Bản chính	Bản công chứng	Bản sao y	Ghi chú
3	Biên bản họp, Nghị quyết ĐHCĐ bầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT)	01	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	Biên bản họp, Nghị Quyết HĐQT bầu chủ tịch HĐQT và các chức danh khác của Công ty	01	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5	Quyết định bổ nhiệm chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng (KTT) của Công ty	01				
6	Biên bản họp, Nghị quyết HĐQT v/v Ủy quyền cho người đại diện đứng ra vay vốn và ký kết các hồ sơ, giấy tờ với Ngân hàng, quyết định việc sử dụng Tài sản thế chấp để thế chấp tại tổ chức tài chính (nêu chi tiết cụ thể tài sản thế chấp, chủ sở hữu)	01	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tổ chức tài chính sẽ hoàn thiện cùng doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp cung cấp hồ sơ
7	Thông báo mẫu dấu chữ ký của người đại diện Pháp luật, KTT	01	<input checked="" type="checkbox"/>			
8	Giấy chứng nhận vốn góp các thành viên	01	<input checked="" type="checkbox"/>			
9	Căn cước công dân (CCCD) của người đại diện pháp luật/giám đốc, KTT, chủ sở hữu			<input checked="" type="checkbox"/>		Hồ sơ để mở tài khoản
10	Các hồ sơ khác nếu có					
B	HỒ SƠ TÀI CHÍNH					
1	Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất, gồm: - Bảng cân đối kế toán; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; - Thuyết minh báo cáo tài chính (nếu có); - Lưu chuyển tiền tệ	01	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Gửi Báo cáo kiểm toán hoặc thuế

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Bản chính	Bản công chứng	Bản sao y	Ghi chú
2	Sổ chi tiết một số các tài khoản trên bảng cân đối: 131, 331, hàng tồn kho, tài sản cố định	01	<input checked="" type="checkbox"/>			
3	Sổ phụ các TCTD đang có quan hệ 01 năm gần nhất (nếu có)	01	<input checked="" type="checkbox"/>			
4	Báo cáo tình hình nợ vay các TCTD (nếu có)	01	<input checked="" type="checkbox"/>			
C	HỒ SƠ CẤP HẠN MỨC/THEO MÓN					
1	Các hợp đồng đã, đang và sắp triển khai				<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Hồ sơ năng lực				<input checked="" type="checkbox"/>	
3	Phương án đề nghị cấp hạn mức				<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ chức tài chính sẽ phối hợp cùng doanh nghiệp để làm
D	TÀI SẢN BẢO ĐẢM					
1	Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu (Sổ đỏ, sổ hộ khẩu, đăng ký xe, sổ hộ khẩu, đăng kiểm, bảo hiểm...)				<input checked="" type="checkbox"/>	

Lưu ý:

- Bản chính văn bản là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản và được cơ quan, tổ chức ban hành.
- Bản công chứng là bản sao có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.
- Bản sao y là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của bản chính và được đóng dấu sao y bản chính, ký xác nhận của người có thẩm quyền của doanh nghiệp hoặc ngân hàng, ghi rõ ngày tháng sao y.

- *Bản photo là bản chụp không có chứng thực, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, người thẩm định, người quản lý nợ cho vay nhận sau khi đối chiếu với bản chính.*

2. Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định/dự án

❖ Giới thiệu

Là dịch vụ dành cho doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để đầu tư tài sản cố định/dự án. Đây là sản phẩm vay trung dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư tài sản cố định gồm nhà xưởng, nhà văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/hoặc dự án.

❖ Mô tả sản phẩm

- Mục đích cho vay: Đầu tư mới hoặc hoàn vốn đầu tư tài sản cố định.
- Thời hạn cho vay: Trên 01 năm, tối đa 10 năm
- Hình thức: cho vay theo TSCĐ/dự án
- Hạn mức cho vay: Phụ thuộc vào tài sản đảm bảo, lịch sử tín dụng và thỏa thuận giữa tổ chức tài chính và doanh nghiệp
- Phương thức giải ngân: Theo tiến độ đầu tư TSCĐ/dự án
- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương thức trả lãi và nợ gốc: Thỏa thuận căn cứ vào khả năng tài chính, thu nhập và nguồn trả nợ của doanh nghiệp.
- Tài sản đảm bảo: Có thể được thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

❖ Điều kiện

- Có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh sản phẩm của dự án (ví dụ, từ 03 năm trở lên).
- Có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu (khoảng 20% - 30%) tổng mức đầu tư TSCĐ/dự án.
- Có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ trong thời hạn cam kết.
- Có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, có hiệu quả.

❖ Hồ sơ thủ tục

Theo quy định cụ thể của từng tổ chức và trong từng thời kỳ cụ thể. Danh mục hồ sơ tham khảo được nêu ở mục 1 của phụ lục này.

3. Bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng

❖ Giới thiệu

Là dịch vụ dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật hiện hành, vay vốn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.

❖ Mô tả sản phẩm

- Mục đích: Quỹ cam kết bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại tổ chức tín dụng.
- Thời hạn bảo lãnh: ngắn hạn (dưới 12 tháng) và trung hạn phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa bên được bảo lãnh và tổ chức tín dụng.
- Phạm vi bảo lãnh:
 - Bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp cầm cố của bên được bảo lãnh tại tổ chức tín dụng.
 - Bảo lãnh gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại bên nhận bảo lãnh.
- Phí: gồm phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh tín dụng và phí bảo lãnh dựa trên số tiền được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh.

❖ Điều kiện

- Có phương án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay.
- Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tối thiểu 15% giá trị khoản vay.
- Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư.
- Tại thời điểm bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác.

❖ Hồ sơ thủ tục

Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị bảo lãnh tín dụng của doanh nghiệp
- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh, điều lệ tổ chức, quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật, kế toán trưởng; Nghị quyết/biên bản họp ĐHCĐ thông qua dự án đầu tư/phương án sản xuất kinh doanh (SXKD))
- Hồ sơ của dự án đầu tư, phương án SXKD (hồ sơ dự án/phương SXKD, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
- Hồ sơ tài chính (BCTC 2 năm gần nhất, văn bản xác nhận nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp, văn bản đối chiếu công nợ giữa doanh nghiệp và tổ chức tín dụng)
- Hồ sơ tài sản đảm bảo (Giấy chứng nhận quyền sở hữu, nghị quyết của ĐHCĐ thống nhất việc thế chấp tài sản, hồ sơ bảo hiểm).

4. Cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính

❖ Giới thiệu

Là hình thức cấp tín dụng trung và dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản giữa bên cho thuê là Công ty cho thuê tài chính với khách hàng thuê (doanh nghiệp). Tài sản thuê tài chính bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác... Tài sản thuê tài chính không bao gồm bất động sản.

❖ Mô tả sản phẩm

- Mục đích: Cho thuê tài chính phù hợp đối với các khách hàng không có tài sản đảm bảo hoặc khách hàng cần thời gian xử lý nhanh chóng, tiện lợi. Thông qua cho thuê tài chính, khách hàng vẫn có thể thay đổi máy móc, thiết bị cũ mà không phải thế chấp bất động sản khác
- Hình thức: Công ty cho thuê tài chính đại diện cho bên cho Thuê sẽ mua tài sản từ nhà cung cấp và cho bên Thuê thuê lại theo lịch trình thanh toán thể hiện trên hợp đồng thuê
- Thời hạn thuê:
 - Tài sản mới: không quá 10 năm
 - Tài sản đã qua sử dụng: không quá 5 năm
- Lãi suất: không quá 20%/năm
- Phương thức thanh toán tiền thuê: linh hoạt theo thỏa thuận

- Tài sản đảm bảo: Không yêu cầu tài sản đảm bảo khác

❖ Điều kiện

- Tại thời điểm thuê: bên thuê không có nợ xấu tại bất cứ tổ chức tín dụng nào
- Có phương án đầu tư sản xuất kinh doanh khả thi, hiệu quả
- Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán tiền thuê trong thời hạn cam kết
- Phải đặt cọc tối thiểu 20% - 30% tổng giá mua tài sản thuê (đối với hình thức Cho thuê tài chính)

❖ Hồ sơ thủ tục

Hồ sơ cho thuê tài chính gồm một số giấy tờ sau (có thể điều chỉnh phụ thuộc vào yêu cầu của từng công ty cho thuê tài chính):

- Đơn thuê tài chính
- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (giấy đăng ký kinh doanh, mã số thuế, điều lệ doanh nghiệp, chứng nhận đăng ký mẫu dấu)
- Hồ sơ tài chính (BCTC của 2 năm gần nhất), Tờ khai thuế VAT trong vòng 2 năm gần nhất, Sổ phụ/sao kê tài khoản ngân hàng trong 6 tháng gần nhất)
- Hồ sơ về tài sản thuê (báo giá tài sản dự kiến thuê tài chính).

5. Gọi vốn/huy động vốn/vay tín chấp của Công ty công nghệ tài chính (fintech)

❖ Giới thiệu

Là dịch vụ dành cho doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để bổ sung tài sản cố định.

❖ Mô tả sản phẩm

- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động
- Thời hạn cho vay: dưới 12 tháng
- Hình thức: tín chấp
- Lãi suất: không quá 20%/năm
- Hạn mức cho vay: Tối đa 500tr VNĐ hoặc 1 tỷ VNĐ tùy thuộc gói sản phẩm của công ty công nghệ tài chính.

- Loại tiền cho vay: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương thức trả nợ: linh hoạt theo thỏa thuận
- Tài sản đảm bảo: Không yêu cầu tài sản đảm bảo.

❖ Điều kiện

- Thời gian hoạt động: Từ 2 năm trở lên
- Có lợi nhuận dương trong năm gần nhất
- Không có nợ chậm trả từ 90 ngày trở lên trong 3 năm gần nhất

❖ Hồ sơ thủ tục

Hồ sơ khá gọn nhẹ gồm một số giấy tờ chính dưới đây (có thể có điều chỉnh phụ thuộc theo yêu cầu cụ thể của công ty fintech):

- Giấy đăng ký kinh doanh
- Căn cước công dân của chủ sở hữu doanh nghiệp
- Báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) của năm liền trước khi vay vốn
- Tờ khai thuế giá trị gia tăng của năm đang vay vốn
- Báo cáo tài chính nội bộ của năm đang vay vốn
- Sao kê tài khoản ngân hàng của năm đang vay vốn.
- Sao kê tài khoản ngân hàng của năm trước thời điểm vay vốn (có thể được yêu cầu cung cấp)
- Hóa đơn VAT của các hợp đồng thương mại (đầu ra, đầu vào) của doanh nghiệp trong năm vay vốn (có thể được yêu cầu cung cấp).